**PHẦN : NỘI DUNG ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

1. **VĂN BẢN CỤ THỂ Văn bản 1 : CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG*(Nguyễn Dữ)***

**Phân tích nhân vật Vũ Nương**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Người vợ thủy chung | Mới về nhà chồng; biết Trương Sinh có tính đa nghi nên nàng luôn giữ gìn khuôn phép. | | |
| **Vũ Nương** vừa đẹp người, vừa đẹp nết  “tính đời thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp”  ***Vẻ đẹp của Vũ Nương*** | Tiễn chồng đi lính, nàng dặn dò chồng những lời thiết tha “ngày về … bình yên” | | |
|  | Xa chồng, nàng luôn nhớ mong, lấy bóng mình tưởng tượng là chồng lúc dỗ con | | |
|  | Chồng nghi oan, nàng tìm mọi cách hàn gắn tình cảm, không tự giải oan được nàng đành tự tử để khẳng định là thủy chung | | |
|  | Sống ở thủy cung, nàng vẫn nặng tình với chồng con, quê hương, làng xóm | | |
|  |  |  | |
|  | Thay chồng chăm sóc mẹ chồng chu đáo | | |
| Người con dâu  hiếu thảo | Mẹ chồng ốm | | Lo chạy chữa thuốc thang |
|  |  | | Lễ bái thần phật |
|  |  | | Lấy lới ngọt ngào khuyên lơn |
|  | Mẹ chồng mất, lo ma chay như với cha mẹ đẻ | | |
|  |  |  | |
|  | Hết lòng yêu thương, nuôi dạy con trai nhỏ | | |
| Người mẹ yêu  thương con | Chỉ bóng mình trên vách để dỗ dành con  Bảo đó là cha để con không phải sống cảnh thiếu thốn tình cha | | |
|  |  |  | |
|  | Chồng nghi oan, chọn cái chết để bảo vệ nhân phẩm | | |
| Người phụ nữ  trọng danh dự | Không trở về dương gian vì muốn giữ lời hứa với Linh Phi, coi trọng nghĩa tình với ân nhân của mình | | |

**Văn bản 2: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG *(Nguyễn Dữ)***

Vũ Nương phải tự bươn chải nuôi gia đình, lo giải quyết mọi việc từ lớn tới nhỏ

Nàng phải sống trong cảnh cô đơn, nhớ nhung, lo lắng, mòn mỏi chờ chồng; sinh con và nuôi con một mình, lo toan chăm sóc mẹ già con thơ.

Khi Vũ Nương

ở thủy cung

Khi Trương Sinh

đi lính

***Vũ Nương*** có số phận

khổ đau, bất hạnh

Là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự.

Nói lên nỗi khổ đau, bế tắc tột cùng.

Lên án xã hội trọng nam khinh nữ bất công, tố cáo chiến tranh phi nghĩa.

Lúc Trương Sinh

trở về

Nàng phải chịu oan khuất: Nỗi oan xuất phát từ lời bé Đản nói về cái bóng (…), Vũ Nương bị chồng la mắng, đánh đập và đuổi đi.

Nàng phải chết bi thảm:

Cái chết của Vũ Nương

Vũ Nương được giải oan: Trương Sinh biết vợ bị oan khi con nói về chiếc bóng; theo lời dặn dò của vợ, Trương Sinh đã lập đàn giải oan cho Vũ Nương.

Nàng sống ở thủy cung vẫn không hạnh phúc, vẫn không nguôi nỗi nhớ gia đình, người thân, nhưng không thể trở về.

\* Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Dữ Cảm thông trước số phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Ca ngợi vẻ đẹp hình thức, tâm hồn người phụ nữ.

Lên án chiến tranh, phê phán xã hội nam quyền.

\* Nghệ thuật xây dựng nhân vật Vũ Nương: Tình huống truyện độc đáo; Khắc họa nhân vật từ lời nói, hành động để tả nội tâm; Sử dụng yếu tố kỳ ảo đan xen hiện thực.

**Văn bản 3: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ - Hồi 14 *(Ngô Gia Văn Phái)***

Luôn hành động xông xáo, nhanh gọn, có chủ đích và rất quả quyết

Không nao núng khi nghe tin giặc chiếm Thăng Long “định cầm quân đi ngay”

Trong vòng hơn một tháng làm được nhiều việc lớn

Hành động mạnh mẽ quyết liệt

Lên ngôi hoàng đế

Đại phá giặc Thanh

Sáng suốt trong việc lên ngôi hoàng đế: Tình thế khẩn cấp, quyết định lên ngôi để chính danh vị, thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài…

Hình

tượng

QUANG

TRUNG

Tổ chức chiến lược thần tốc, bí mật, bất ngờ;

hành quân liên tục mà vẫn giữ quân đội chỉnh tề.

Khẳng định quyền độc lập của ta:

“đất nào sao ấy…phân biệt rõ ràng”.

Lên án hành động xâm lăng của giặc:

“người phương Bắc…trung dạ ắt khá”

Nhắc lại truyền thống đánh giặc của cha ông

“Trưng Nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng…”

Kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực; ra kỷ luật nghiêm

“các người …chớ ăn ở hai lòng”

“phương lược đã có tính sẵn”

“chẳng qua mươi ngày…”

Khôn khéo giao hảo với nhà Thanh

Kế hoạch 10 năm nữa “…nuôi dưỡng lực lượng…”để ổn định hoàn bình lâu dài.

Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch – ta.

Lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An

Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi

Cách xử trí với các tướng sĩ ở Tam Điệp

Trí tuệ sáng suốt

nhạy bén

Mới khởi binh đã chắc chiến thắng

Tính đến cả thời hậu chiến

Tầm nhìn xa

trông rộng

Hình ảnh lẫm liệt trong chiến trận

Hiểu việc rút quân của tướng Sở và Lân,

không trách phạt họ

Đánh giá cao Ngô Thì Nhậm sử dụng như vị quân sư.

Tài thao lược hơn người

Nắm quyền tổng chỉ huy, thân chinh cầm quân ra trận oai phong lẫm liệt, lãnh đạo tài tình đánh thắng.

**Văn bản 4: CHỊ EM THÚY KIỀU *(Truyện Kiều, Nguyễn Du)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 **câu đầu: Giới thiệu khái quát chị em Kiều:** | Hai chị em là con gái lớn trong gia đình họ Vương, cả hai đều xinh đẹp “hai ả tố nga”  Hai chị em có vẻ đẹp thanh cao, duyên dáng, trong trắng. | | | | | | | |
| “Đầu lòng…vẹn mười” | Hình ảnh ước lệ: cốt cách như mai, tinh thần như tuyết | | | | | | | |
|  | Phép tiểu đối “mai…thần” | | | | Câu thơ cân xứng, hài hòa | | |  |
|  |  | | | | Gợi vẻ đẹp hoàn hảo ….thức tâm hồn | | | |
|  | Thành ngữ “mười phân vẹn mười Vẻ đẹp lý tưởng. | | | | | | | |
|  |  | |  | | | |  | |
|  | Khái quát vẻ đẹp Thúy Vân “trang trọng” Vẻ cao sang, quí phái | | | | | | | |
| **4 câu tiếp: Vẻ đẹp Thúy Vân** | Tả cụ thể chân dung Thúy Vân: dùng phép liệt kê, ước lệ tượng trưng. | | | | | | | |
| **“Vân xem… màu da”** | Khuôn mặt “đầy đặn”, phúc hậu, tươi sáng như vầng trăng | | | | | | | |
|  | Lông mày sắc nét như con ngài “nét ngài nở nang” | | | | | | | |
|  | Làn da trắng mịn màng hơn tuyết “tuyết nhường màu da” | | | | | | | |
|  | Mái tóc óng ả hơn mây “mây thua nước tóc” | | | | | | | |
|  | Miệng cười tươi thắm như hoa | | | | | | | |
|  | Giọng nói trong trẻo như ngọc | | | | | | | |
|  | Chân dung mang tính cách, số phận | | | | | Vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên | | |
|  |  | |  | | | Tính cách điềm đạm, cuộc đời bình yên | | |
|  |  | |  | | |  | | |
|  | Khái quát vẻ đẹp Kiều: “sắc sảo” về trí tuệ, “mặn mà về tâm hồn”. | | | | | | | |
| **12 câu tiếp: Vẻ đẹp Thúy Kiều** | Tả sắc đẹp Kiều | Tả kĩ đôi mắt | | Đôi mắt trong sáng, long lanh như là nước mùa thu “làn thu thủy” | | | | |
| **“Kiều càng… não nhân”** |  |  | | Nét mày thanh tú như dáng núi mùa xuân “nét xuân sơn” | | | | |
|  |  | Tả gián tiếp | | Qua sự đố kị ghét ghen của thiên nhiên “hoa ghen, liễu hờn” dự báo số phận long đong, trắc trở. | | | | |
|  |  |  | | Qua sự say mê ngưỡng mộ của con người  “Nghiêng nước nghiêng thành” Thành ngữ, điển cố. | | | | |
|  | Tả tài năng Kiều | Thông minh, đa tài, tài thiên bẩm, xuất chúng | | | | | | |
|  |  | Tài nổi bật: Chơi đàn, sáng tác nhạc. | | | | | | |
| **4 câu cuối: Nhận xét chung về cuộc sống chị em Kiều ->**Cuộc sống phong lưu, êm đềm, luôn giữ gìn khuôn phép, đức hạnh dù ở tuổi  **“Phong lưu… mặc ai**” “cập kê”. | | | | | | | | |

**Văn bản 5: KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH *(Truyện Kiều, Nguyễn Du)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **6 câu đầu**:  Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều  “Trước lầu… tấm lòng”  (Nguyễn Du cảm thương cho  tình cảnh khổ đau của Kiều) | Kiều sống trong cảnh ngộ trớ trêu nơi lầu Ngưng Bích. | | |
| “khóa xuân” – thực chất là bị Tú Bà giam lỏng | | |
| Kiều trơ trọi giữa không gian mênh mông, hoang vắng | | |
| Ngước mắt xa trông – chỉ thấy “non xa”, “tấm trăng gần”… | | |
| Nhìn xuống mặt đất – chỉ thấy “cát vàng”, “bụi hồng”… | | |
|  | (Cảnh thực/cảnh ước lệ -> gợi sự mênh mông, vắng lặng/ nỗi cô đơn) | | |
|  | Kiều cô đơn trong thời gian tuần hoàn, khép kín | | |
|  | Sớm làm bạn với mây, khuya làm bạn với đèn, “ở chung” với trăng | | |
|  | (Từ láy “bẽ bàng” -> xấu hổ, tủi thẹn, trống trải…) | | |
|  |  | |  |
| **8 câu tiếp**:  Nỗi nhớ người yêu, cha mẹ của Kiều  “Tưởng người… người ôm”  (Nguyễn Du ngợi ca tấm lòng chung  thủy, hiếu thảo, vị tha của Kiều) | Nhớ Kim Trọng | Tưởng tượng hình bóng Kim Trọng trong đêm thề nguyền | |
|  | Xót xa cảnh Kim Trọng nơi xa vẫn chờ mong tin tức | |
|  | (thành ngữ “nay trông mai chờ”) | |
|  | Thấm thía tình cảnh mình bơ vơ nơi chân trời, góc bể. | |
|  | Tủi hổ vì tấm thân đã hoen ố “gột rửa… phai” | |
|  |  | |
| Nhớ cha mẹ Thương cha mẹ, tưởng cảnh cha mẹ già yếu | | |
|  |  | Sớm chiều tựa cửa ngóng chờ con | |
|  |  | Xót xa lo lắng không biết ai thay mình phụng dưỡng cha mẹ. | |
|  | (Thành ngữ “quạt nồng ấp lanh”; Câu hỏi tu từ “những ai đó ngờ ?” | | |
|  | Điển cố “sân lai, gốc tử” ) | | |
| **8 câu cuối**:  Nỗi buồn của Kiều qua cái nhìn cảnh vật  “Buồn trông… ghế ngồi”  (Nguyễn Du thấu hiểu, đồng cảm với Kiều) | Hình ảnh con thuyền, cánh buồm nơi cửa bể chiều hôm -> gợi nỗi | | |
| Buồn nhớ quê hương, gia đình/ Khát khao được sum họp | | |
| Hình ảnh “hoa trôi man mác”, “nơi ngọn nước mới sa” -> gợi nỗi | | |
| Buồn tủi về thân phận nổi trôi, bơ vơ | | |
| Hình ảnh nội cỏ úa tàn giữa “chân mây mặt đất” -> gợi nỗi | | |
| Buồn chán trước hiện tại bế tắc, tương lai vô vọng | | |
| Âm thanh dữ dội “tiếng sóng” và mặt duềnh gió cuốn -> gợi nỗi buồn l  Nghệ thuật: Bút pháp tả cảnh ngụ tình: phép điệp, câu hỏi tu từ, từ láy, giọng điệu, nhịp thơ .. | | |
|  | | | |
|  | | | |

**PHẦN: NỘI DUNG ÔN TẬP PHẦN THƠ HIỆN ĐẠI**

**A.HỆ THỐNG KIẾN THỨC PHẦN THƠ HIỆN ĐẠI LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tác giả, tác phẩm** | **HCST** | **YNNĐ** | **Nội dung chính** | **Nghệ thuật tiêu biểu** |
| 1 | Đồng chí  (Chính Hữu) | Năm 1948, thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc. | *đồng*: cùng, *chí* : chí hướng, lý tưởng. Từ sau CMT8/1945 đồng chí trở thành cách xưng hô quen thuộc của cơ quan, đơn vị bộ đội. | Ca ngợi tình đồng chí gắn bó keo sơn, hình ảnh chân thực giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp. | Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ chân thực, giản dị, cô đọng, giàu sức biểu cảm |
| 2 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính  (Phạm Tiến Duật) | Năm 1969, cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt nhất, tác giả đang hoạt động ở chiến trường Trường Sơn. | Cấu trúc dài tưởng như thừa hai chữ “ Bài thơ ”nhưng làm nổibật hình ảnh những chiếc xe không kính, gợi sự khốc liệt của chiến tranh. Qua đó ca ngợi vẻ đẹp của người lính: dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm trong công việc; tâm hồn lạc quan yêu đời và tinh thần đồng chí đồng đội gắn bó. | - Hình ảnh độc đáo của những chiếc xe không kính.  - Hình ảnh của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm bất chấp khó khăn, nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. | Hình ảnh giàu chất hiện thực, ngôn ngữ giọng điệu hồn nhiên khỏe khoắn |
| 3 | Bếp lửa  (Bằng Việt) | Bài thở *Bếp lửa* được viết năm 1963, khi tác giả là sinh viên đang học ở Liên Xô. | Bếp lửa hình ảnh quen thuộc, giản dị, gắn bó. Bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, gợi những kỉ niệm. Bếp lửa tượng trưng cho tình cảm tình thương của bà dành cho con cháu. Hơn nữa, bếp lửa còn là biểu tượng cho cuộc sống gia đình, quê hương, đất nước, cuội nguồn cho sức sống của mỗi con người. | Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài tho đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu ; đồng thời thể hiện lòng kính yêu, biết ơn của cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước | - Kết hợp biểu cảm, miêu tả, tự sụ và bình luận  - Hình ảnh thơ sáng tạo, giàu ý nghĩa biểu tượng : bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà. |
| 4 | Đoàn thuyền đánh cá  (Huy Cận) | Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* được sáng tác năm 1958, thời kì miền Bắc xây dựng XHCN, tác giả có chuyến công tác tại Quảng Ninh, in trong tập “Trời mỗi ngày lại sáng”. | Gợi không khí lao động tập thể hăng say của thời kì miền Bắc XDXHCN. | Thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. | - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú và độc đáo.  - Âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan. |
| 5 | Ánh trăng  (Nguyễn Duy) | Bài thơ viết năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh sau khi đất nước thống nhất được 3 năm. | Ánh trăng là ánh sáng tỏa ra từ vầng trăng. Qua NT ẩn dụ, ánh trăng tượng trưng cho vẻ đẹp vĩnh hằng, là người bạn tri kỉ, là quá khứ nghĩa tình thủy chung không phai mờ. Ánh sáng đó soi rọi vào góc tối, góc khuất trong tâm hồn con người khiến họ thức tỉnh lương tâm. | Bài thơ là lười nhắc nhở về nhũng năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời con người gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu.  Từ đó gợi nhắc người đọc về thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”. | - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên kết hợp yếu tố trữ tình và tự sự  - Hình ảnh giàu tính biểu cảm : trăng giàu ý nghĩa biểu tượng. |
| 6 | Mùa Xuân nho nhỏ  ( Thanh Hải) | - Bài thơ được sáng tác vào tháng 11 năm 1980  - Khi ấy nhà thơ đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện, và 1 tháng sau ông qua đời. | Nhan đề mang ý nghĩa ẩn dụ → Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” tác giả muốn thể hiện tâm nguyện sống cống hiến cho cuộc đời những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất và sự cống hiến đó khiêm nhường không phô trương | Bài thơ thể hiện cảm xúc của tác giả trong mùa xuân thiên nhiên đất nước và tâm nguyên sống cống hiến của tác giả, muốn cống hiến cho được đời những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất và sự cống hiến đó là lặng lẽ khiêm nhường | Thể thơ 5 chữ, gần với điệu dân ca miền trung, âm điệu nhẹ nhàng, thiết tha, sâu lắng  - Hình ảnh tự nhiên, giản dị và giàu ý nghĩa biểu tượng  - Giọng điệu đúng với cảm xúc của tác giả. |
| 7 | Viếng lăng Bác  ( Viễn Phương) | Viết năm 1976, sau cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất.  - Lăng Chủ tịch vừa khánh thành, Viễn Phương được ra thăm lăng Bác. | + Viếng: hành động, cử chỉ của 1 người, 1 tập thể đến chia buồn với người thân nhân, người đã mất => khẳng định 1 sự thật: Bác đã qua đời.  + Lăng Bác: là công trình kiến trúc xây dựng để biểu lộ sự thành kính ngưỡng mộ, biết ơn của nhân dân ta với Bác.  Làm nổi bật lên chủ đề bài thơ | Thể hiện lòng thành kính, niềm xúc động sâu sắc, tâm trạng xót xa nghẹn ngào của nhà thơ và mọi người khi vào lăng viếng Bác | Thể thơ 8 chữ gieo vần linh hoạt.  + Lời thơ trang trọng thiết tha xen lẫn niềm tự hào thể hiện đúng tâm trạng xúc động khi vào lăng.  + Những hình ảnh mang ý nghĩa thực, nghĩa biểu tượng, phép tu từ nói giảm nói tránh, điệp ngữ. |
| 8 | Sang thu ( Hữu Thỉnh) | .-Viết năm 1977, đất nước mới thống nhất được 2 năm. Khi đó nhà thơ cũng là người lính vừa trở về từ chiến trường. | - Nhan để đảo trật tự cú pháp từ “sang” lên trước “thu”. Với cách đảo trật từ cú pháp đã nhấn mạnh sự vận động nhẹ nhàng của giây phút giao mùa từ hạ sang thu. -Nhấn mạnh sự biến chuyển trong giai đoạn mới của đời người- gia đoạn con người đã đi quá nửa đời người. Vào giai đoạn này con người trở nên bình tĩnh hơn, vững vàng hơn trước những biến động bất thường của ngoại cảnh | Sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp tự nhiên trong khoảnh khắc giao mùa từ mùa hạ sang thu. Đồng thời bài thơ còn cho thấy suy ngẫm của tác giả về giai đoạn “ sang thu” đời người | Sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp tự nhiên trong khoảnh khắc giao mùa từ mùa hạ sang thu. Đồng thời bài thơ còn cho thấy suy ngẫm của tác giả về giai đoạn “ sang thu” đời người |
| 9 | Nói với con ( Y Phương) | Viết năm 1980, sau khi đất nước được giải phóng. Được đưa vào tập thơ “ Việt Nam 1975-1985” | “Nói với con” như một lời nhắn nhủ dạy dỗ ân tình của người cha với con: con sinh ra và lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, niềm hạnh phúc của gia đình, cuộc sống lao động vui tươi và sự che chở của quê hương. Do đó con phải nhớ tới gia đình và quê hương , đó là cội nguồn sinh dưỡng, con hãy phát huy vẻ đẹp và phẩm chất cũng như truyền thống của con người quê hương | bài thơ là lời nhắn nhủ của người cha với con về cội nguồn sinh dưỡng và vẻ đẹp phẩm chất của người đồng mình. Từ đó nhắc nhở con và mọi người phải nhớ tới cội nguồn sinh dưỡng là gia đình và quê hương. Đồng thời cũng nhắc con phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương: cần cù, mạnh mẽ, có ý chí nghị lực trong cuộc sống. | - Giọng điệu trìu mến thiết tha thể hiện qua lời tâm sự của người cha đối với con  - Thể thơ tự do làm cho cảm xúc được cụ thể rõ rang.  - Nhịp điệu: lúc nhẹ nhàng, lúc bay bổng, khi khúc triết rành rọt, khi mạnh mẽ âm vang  - Ngôn ngữ giàu cụ thể, giàu khái quát và mang ý nghĩa biểu tượng |

**PHẦN B  TÁC PHẨM CỤ THỂ văn bản 1: ĐỒNG CHÍ*(Chính Hữu)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | (1)Những người lính cùng chung hoàn cảnh xuất thân nông dân | |
| ***7 câu đầu:***  “Quê hương… chí”  Cơ sở hình thành tình đồng chí |  | Thành ngữ “nước mặn đồng chua”: vùng ven biển ngập mặn | |
|  | Hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”: miền đồi núi trung du cằn cỗi | |
|  | Cấu trúc sóng đôi hai câu thơ: sự tương đồng về hoàn cảnh | |
|  | Giọng điệu tâm tình, ngôn từ giản dị, hình ảnh cụ thể… | |
|  |  | (2)Những người lính cùng chung chí hướng; lý tưởng: | |
|  |  | Từ “đôi”-vừa gợi số lượng, vừa gợi tình cảm gắn bó thân thiết | |
|  |  | Điệp từ “súng… đầu” Nhấn mạnh sự tương đồng về | |
|  |  | Nghệ thuật sóng đôi mục đích, lý tưởng, cảnh ngộ | |
|  |  | Hoán dụ, ẩn dụ | |
|  |  | (3)Những người lính cùng chia sẻ mọi khó khăn, gian khổ | |
|  |  | Từ “đôi người xa lạ” -> thành “đôi tri kỉ”, “đêm rét …. tri kỉ” | |
|  |  | Hình thức ngôn từ đặc biệt: xuất hiện các cặp hình ảnh sóng đôi: “anh-tôi”, “súng-súng”, “đầu-đầu” | |
|  | -> gắn bó khăng khít | | |
|  | Từ 3 cơ sở: đồng cảnh(1), đồng ngũ(2), đồng cảm(3) - những người lính có tình đồng chí | | |
|  | “Đồng chí !” | | Câu thơ ngắn -1 từ - ngắt nhịp đột ngột tạo **nốt nhấn** |
|  |  | | **Câu thơ như bản lề gắn kết đoạn đầu và đoạn sau…** |
|  |  | | **Câu thơ như lời bật thốt đầy cảm xúc, như tiếng gọi ấm áp** |
|  | Người lính cùng nhau chia sẻ những tâm tư tình cảm: | | |
| ***10 câu tiếp:***  “Ruộng….bàn tay”  Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí | Hình ảnh giản dị: “gian nhà… gió lung lay…” -> gia cảnh nghèo khó | | |
| Từ “mặc kệ”: Thái độ dứt khoát, mạnh mẽ, sự hi sinh thầm lặng | | |
| Hoán dụ “giếng nước gốc đa” - nhân hóa “nhớ” Tình quê hương | | |
| Tình đất nước | | |
| Người lính chia sẻ những gian lao, thiếu thốn: | | |
|  | Khó khăn vì bệnh tật, sốt rét rừng “Anh với tôi…. mồ hôi”  Thiếu thốn về vật chất: “Áo anh …quần tôi….chân không giầy” | | |
|  | Chiến thắng hoàn cảnh bằng Tinh thần lạc quan “miệng cười…” | | |
|  | Sức mạnh tình đồng chí “thương nhau…” | | |
|  |  | | |

**ĐỒNG CHÍ*(Chính Hữu)***

***3 câu cuối: Biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí (cùng chia sẻ hiểm nguy)***

***bằng tâm tưởng và suy ngẫm về sự sang thu của đời người***

***“Đêm nay rừng hoang….. Đầu súng trăng treo”***

|  |  |
| --- | --- |
| Thiên nhiên: | Hùng vĩ, khắc nghiệt Đêm khuya thanh vắng |
|  | Núi rừng hoang vu hẻo lánh |
|  | Thời tiết lạnh giá, sương muối giăng đầy… |
|  |  |
| Người lính: | Kề vai, sát cánh bên nhau trong hoàn cảnh thử thách “đứng cạnh” |
|  | Tư thế hiên ngang chủ động, sẵn sàng chiến đấu “chờ giặc tới” |
|  | *(Vẻ đẹp của tình đồng chí: Luôn đồng cam cộng khổ, gắn bó…)* |
|  |  |
| Hình ảnh đẹp nhất: *“ Đầu súng, trăng treo”* | |
| Hiện thực: Người lính đứng gác nơi rừng đêm, vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần, có lúc như treo lơ lửng trên đầu mũi súng | |
| *(Nhịp thơ 2/2 gợi “nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh…)* | |
| Biểu tượng Súng: hiện thực dữ dội của cuộc chiến đấu | |
| Trăng: vẻ đẹp dịu mát, thơ mộng, thanh bình của thiên nhiên | |
| *“Đầu súng trăng treo”* Vẻ đẹp tâm hồn người lính: Người chiến sĩ mang tâm hôn thi sĩ (kiên cường/mơ mộng) | |
| Ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu: Người lính cầm súng bảo vệ cuộc sống hòa bình | |
| “Súng-trăng” cũng là một cặp đồng chí *(anh-tôi, cứng rắn-dịu hiền,hiện thực-lãng mạn,* | |
| *chất thép - chất tình, chiến sĩ - thi sĩ, gần - xa)* | |
| -> hài hòa bổ sung cho nhau, làm nên vẻ đẹp người lính cách mạng. | |

**Văn bản 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH *(Phạm Tiến Duật)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Hình ảnh độc đáo, chân thực Gợi sự ác liệt, dữ dội của chiến tranh | |
| Hình ản “những chiếc xe không kính”:  “Không có kính không…  …….…kính vỡ đi rồi” | Gợi vẻ đẹp tâm hồn người lính | |
| *(nhạy cảm, ngang tàng, tinh nghịch)* | |
| Lý giải nguyên nhân: rất thật, không cường điệu, hư cấu. | |
| “bom giật bom rung” làm kính vỡ | |
| Cách diễn đại thú vị Động từ “giật/rung” -> sự tàn phá, hủy diệt | |
|  |  | Lời thơ giản dị, đậm chất văn xuôi |
|  | Ba chữ “không” -> nhấn mạnh sự mất mát | |
|  |  | |
|  | Tư thế ung dung, hiên ngang, bình tĩnh, tự tin “Ung dung….thẳng” | |
| Hình ảnh người chiến  sĩ lái xe:  (trong khổ thơ 1-2-3-4) | Từ láy “dung dung” đảo lên đầu câu | |
| Nhịp thơ cân đối, nhịp nhàng 2/2/2 | |
| Giọng thơ nhẹ nhõm, thanh thản | |
| Điệp từ “nhìn” Cái nhìn bình tĩnh, lạc quan tâm hồn yêu thiên nhiên | |
| “nhìn đất, nhìn trời” | |
| Cái nhìn hiên ngang, bất khuất, dám nhìn thẳng vào gian khổ, hi sinh “nhìn thẳng” | |
|  | Tâm hồn nghệ sĩ mơ mộng, lãng mạn, giàu tình yêu thiên nhiên | |
|  | Kính vỡ Hoàn cảnh gian khổ, bất lợi, gió lùa làm mắt khô, đau rát | |
|  | Người lính biến thành cơ hội để tiếp xúc với thiên nhiên | |
|  | “sao trời”, “cánh chim”: như sa, như ùa vào buồng lái | |
|  | Nghệ thuật: nhân óa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, nhịp thơ thong thả, phép so sánh đặc sắc… | |
|  | Thái độ bất chấp hiểm nguy; tinh thần quả cảm; lạc quan yêu đời | |
|  | Hai câu đầu khổ 3-4: Nói về hiện thực nghiệt ngã phải chấp nhận | |
|  | Hai câu sau khổ 3-4: Nhấn mạnh tinh thần vượt lên gian khó, biến khó khăn thành trò | |
|  | đùa tếu, vui nhộn | |
|  | Nghệ thuật: Cấu trúc tương phản “không có” >< “ừ thì có”, ngôn từ đậm chất khẩu ngữ “ừ thì”, | |
|  | “phì phèo”… giọng điệu sôi nổi, trẻ trung… | |

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH*(Phạm Tiến Duật)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Tình cảm đồng chí, đồng đội sâu sắc | |
| Hình ảnh người chiến  sĩ lái xe.  (trong khổ thơ 7-8-9) | “Bắt tay… vỡ rồi” Cử chỉ thân thiết, tình cảm gắn bó với đồng đội | |
| Niềm vui gặp gỡ | |
| Nét tinh nghịch, tếu táo, đậm chất lính | |
| “Chung bát đũa… gia đình đấy” Tình cảm đồng đội gắn bó, nấu bữa cơm vui chung giữa | |
| đường Trường Sơn | |
|  |  | Quan niệm hồn nhiên về gia đình qua cách định nghĩa  hóm hỉnh mà sâu sắc |
|  | Lối nói bình dị, dân dã -> tình cảm như ruột thịt trong  một gia đình | |
|  | Tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước | |
|  | “Võng mắc… trời xanh thêm” Từ láy “chông chênh” Tư thế không vững vàng của chiếc | |
|  | võng mắc vội | |
|  | Con đường xe chạy gập ghềnh, con  đường cách mạng gian khó… | |
|  | Hình ảnh “trời xanh thêm” Tả thực màu trời | |
|  | ẩn dụ:thẻ hiện của niềm tin | |
|  | Điệp ngữ “Lại đi” Đoàn xe vẫn khẩn trương ra tiền tuyến | |
|  | Ý chí quyết tâm, tinh thần lạc quan | |
|  |  | |
|  | “Không có… trái tim”: Hiện thực cuộc chiến còn rất ác liệt, nhưng sức mạnh giúp người lính vượt | |
|  | gian khó, hiểm nguy là lòng yêu nước, khát vọng giải phóng miền Nam | |
|  | Điệp từ: “không” liệt kê -> mất mát hi sinh chổng chất | |
|  | Đối lập: vật chất thiếu thốn >< tinh thần quyết tâm | |
|  | “không” >< “có” | |
|  | Hoán dụ: “trái tim” ->yêu nước, căm thù giặc, ý chí quyết đấu. | |

**Văn bản 3: BẾP LỬA *(Bằng Việt)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khổ 1***  Hồi tưởng của cháu về tuổi thơ, bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa:  “Một bếp lửa …  ..….nắng mưa” | Phép điệp “một bếp lửa” Nhấn mạnh hình ảnh bếp lửa như một ám ảnh tuổi thơ  Bếp lửa bình dị, thân thương, ấm áp không mờ phai trong kí ức |
| Hai từ láy “Chờn vờn” Hình ảnh ngọn lửa nhóm lên trong bếp khi ẩn khi hiện, lúc to lúc  nhỏ, chập chờn trong sương sớm.  Ngọn lửa mờ nhòa, huyền ảo, lung linh trong kí ức.  “ấp iu” Sự ấp ủ của than hồng, nồng đượm trong bếp lửa.  Bàn tay khéo léo, kiên nhẫn, tấm lòng bà chi chút …  Tấm lòng cháu ấp ủ, nâng niu trân trọng tình bà … |
| Ẩn dụ “nắng mưa” ->Chỉ đòi bà vất vả, gian lao, khó nhọc |
| ***Khổ 2-3-4-5***  Hồi tưởng tuổi thơ bên bà và bếp lửa  “Lên bốn tuổi …  ……..dai dẳng” | Từ biểu cảm “thương” Cảm xúc trào dâng mãnh liệt …. Miêu tả biểu cảm  Tạo bước ngoặt cảm xúc đột ngột, hợp lí Hình ảnh bếp lửa  ->hình ảnh bà |
| Thuở ấu thơ - 4 tuổi - trước Cách mạng tháng 8: “Lên bốn tuổi …còn cay” |
| Ấn tượng về khói bếp: “mùi khói”, “khói hun nhèm”, “sống mũi còn cay”  Mùi khói từ bếp lửa nhà nghèo  “Cay” - cảm nhận cái cay của ngày xưa/cái cay của cảm xúc  nghẹn ngào khi nhớ về kỷ niệm thuở ấu thơ. |
|  | Ấn tượng về nạn đói Thành ngữ “đói mòn đói mỏi” - Nạn đói làm con người mỏi mệt kiệt sức  Hình ảnh “bố đi đánh xe …” - Người dân nô lệ, lầm than khốn khổ,  thương tâm |
|  | Thuở thiếu niên - 8 năm ròng - Thời kháng chiến chống Pháp “Tám năm …dai dẳng” |
|  | Kỉ niệm về tiếng tu hú Âm thanh bình dị, quen thuộc ở làng quê - giờ gọi về kỉ niệm đánh  thức cảm xúc trong lòng cháu.  Gợi không gian mênh mông buồn vắng/gợi cảnh sống cô đơn, quạnh  quẽ của bà cháu trong kháng chiến.  Phép điệp + câu hỏi tu từ Gợi những cung bậc của âm thanh tu hú  (gần gũi tha thiết/gióng giả dồn dập …)  Gợi những cung bậc cảm xúc của con  người những hoài niệm nhớ mong mỗi  lúc một da diết, mãnh liệt … |

**BẾP LỬA *(Bằng Việt)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khổ 2-3-4-5***  Hồi tưởng kỉ niệm  về bà và bếp lửa | Kỉ niệm về tiếng tu hú … (trang 1) Cụm từ “cháy tàn cháy tụi”->Khốc liệt vì chiến tranh tàn phá  Kỉ niệm về năm “giặt đốt làng” làng mạc, xóm thôn  Từ láy “lầm lụi” ->Hình ảnh những người dân trở về trong  lặng lẽ, ngậm ngùi, đau xót  Câu thơ “đỡ đần bà …”->tình làng nghĩa xóm ấm áp, đùm bọc  chở che, cưu mang nhau trong hoạn nạn |
|  | Kỉ niệm về hình ảnh người bà Bà đảm đang tần tảo nuôi dưỡng, chăm sóc dạy dỗ cháu  Bà kể chuyện cháu nghe bên bếp lửa “bà hay kể …”  “Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học” -> gắn bó  “Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe…” -> yêu thương  Bà âm thầm chịu đựng gian khó với nghị lực và đức hi sinh  “Vẫn vững lòng bà dặn cháu … vẫn được bình yên”.  Câu nói dối tốt lành -> làm yên lòng người tiền tuyến  Bà là hậu phương vững chắc góp phần cho tiền tuyến thắng lợi  Bà giàu niềm tin hi vọng; bà nhóm lửa - giữ lửa - truyền lửa…  “Bếp lửa bà nhen” mỗi sớm chiều -> hình ảnh thực cụ thể  “Ngọn lửa lòng bà” ->hình ảnh biểu tượng, khái quát  ->Ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương, niềm tin “dai dẳng”  ->Ngọn lửa lòng bà luôn tỏa sáng, soi rọi trong lòng cháu.  *(đối lập với ngọn lửa hung tàn của kẻ thù đốt làng …)* |
| ***Khổ 6-7***  Suy ngẫm về cuộc đời bà và tình bà cháu:  “Lận đận đời bà ...  …..lên chưa?” | Suy ngẫm về cuộc đời bà Đảo ngữ - từ láy “lận đận” -> nhấn mạnh vẻ đẹp tần tảo, đảm đang  Ẩn dụ - “nắng mưa” vất vả, khó nhọc, đầy yêu thương  Điệp từ “nhóm” - nhiều nghĩa từ cụ thể -> trừu tượng  Nghĩa thực: làm cho lửa bắt đầu cháy lên trong bếp  Nghĩa chuyển: khơi dậy yêu thương, thắp lên niềm tin, nhóm ước  mơ khát vọng, nhen lên tình cảm cội nguồn - tình yêu xóm làng  quê hương, đất nước.  Thán từ “ôi” - kì lạ - thiêng liêng -> “cảm xúc mãnh liệt …” |
|  | Lời tâm niệm của người cháu ->Phép tương phản + Câu hỏi tu từ -> nỗi nhớ, lòng biết ơn bà. |

**Văn bản 4**

**NÓI VỚI CON*(Y Phương)***

***Khổ 1 – Người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.***

|  |  |
| --- | --- |
| Con lớn lên trong tình yêu thương của gia đình:  “Chân phải………  ……… tiếng cưới” | Hình ảnh thơ cụ thể, giàu sức gợi “chân phải… cha”, “chân trái… mẹ”… |
| Giọng điệu thơ thiết tha, trìu mến, chan chứa niềm vui. |
| Nghệ thuật liệt kê, cấu trúc sóng đôi câu 1-2, câu 3-4; từ ngữ điệp lại. |
| Gợi không khí gia đình đầm ấm, yêu thương; tình cảm gia đình quấn quýt, ngọt ngào, êm ái. |
| Gia đình là cái nôi ấm êm, nâng đỡ cho tâm hồn mỗi con người. |
|  |  |
|  | Con lớn lên trong cuộc sống lao động cần cù, đoàn kết, vui tươi của quê hương. |
| Con lớn lên trong sự đùm bọc của quê hương  “Người đồng mình yêu….  …………những tấm lòng” | Cụm từ “người đồng mình” Những người sống cùng một miền đất, vùng đất. |
| Cách nói giản dị, mộc mạc; ẩn chứa tình cảm mến yêu, tự hào |
| về con người quê hương |
| Hình ảnh gần gũi, đời thường |
| “đan lờ cài nan hoa” Gợi cuộc sống lao động êm đềm, tươi vui, yêu đời |
|  | “vách nhà ken câu hát” Vẻ đẹp tâm hồn con người Yêu lao động |
|  | Lạc quan |
|  | Chăm chỉ, tài hoa |
|  | Động từ “cài/ken” Diễn tả động tác khéo léo trong lao động |
|  | Thể hiện tình cảm gắn bó, đầy niềm vui trong  cuộc sống của con người quê hương |
|  | Nhịp thơ nhanh, cấu trúc sóng đôi Tăng nhạc điệu cho lời thơ |
|  | Gợi không khí lao động hăng say |
|  | Con lớn lên trong sự chở che của rừng núi quê hương thơ mộng, nghĩa tình |
|  | “Rừng cho hoa” -> rừng núi thơ mộng mang lại vẻ đẹp, niềm vui cho con người |
|  | “Con đường… lòng” -> vẻ đẹp nghĩa tình gắn bó giữa người với người; quê hương đã bồi đắp cho người |
|  | chở che, đùm bọc con người |
|  | Điệp từ “cho” -> quê hương nuôi dưỡng con người cả về vật chất, tinh thần. |
|  |  |
| Con lớn lên trong tình yêu trong sáng, hạnh phúc của cha mẹ | Nhắc kỉ niệm ngày cưới với con, cha mong con nhớ rằng con sinh ra, lớn lên trong tình yêu của cha mẹ |
|  |
| Dạy dỗ con về tình cảm cội nguồn bằng tình yêu của Gia đình |
| Quê hương |

**ÓI VỚI CON*(Y Phương)***

***Khổ 2 – Người cha nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương***

***Và dặn dò con hãy kế tục xứng đáng truyền thống đó***

|  |  |
| --- | --- |
| Cha nói về những đức tính  cao đẹp của “người đồng mình”  “Người đồng mình thương…  …………….làm phong tục” | Ý chí lớn lao, bền bỉ, mãnh liệt “Cao đo nỗi… chí lớn” |
| “Người đồng mình” - lặp lại - ý khái quát hơn, khẳng định phẩm chất của |
| người đồng mình cũng là phẩm chất của quê hương |
| “Thương lắm” Tình cảm thiết tha, trìu mến, thương yêu  Không chỉ yêu vẻ đẹp tâm hồn của người đồng mình mà còn thấu hiểu, |
| sẻ chia với nhọc nhằn, gian khó… |
|  | “Cao đo nỗi buồn Diễn đạt độc đáo, lối tư duy cụ thể của người miền núi |
|  | Xa nuôi chí lớn” Tương phản -> nỗi buồn không thể làm vơi chí lớn |
|  | Phép sóng đôi -> càng trải qua gian khổ con người càng được tôi  luyện về ý chí. |
|  | Tình yêu tha thiết, tấm lòng thủy chung, gắn bó với quê hương |
|  | Ngắt nhịp ¾ “Dẫu… muốn” -> tạo khẩu khí mạnh mẽ, đầy tin tưởng |
|  | Hình ảnh “Sống trên đá…” Gợi cuộc sống thực của người miền núi |
|  | “Sống trong thung…” Gợi tình nghĩa sâu đậm dù hoàn cảnh sống gian khổ, cực nhọc |
|  | Cách nói phủ định “không chê…” -> khẳng định tình cảm thủy chung, sâu sắc với quê hương |
|  | Cách sống giản dị, lạc quan mà mạnh mẽ, phóng khoáng |
|  | So sánh “sống như sông…” -> sống mộc mạc, hồn nhiên, phóng khoáng |
|  | Thành ngữ “lên thác…” ->gợi những khó khăn thử thách trên đường đời |
|  | Cụm từ “không lo cực nhọc” -> ý chí nghị lực, tinh thần lạc quan |
|  | Bề ngoài giản dị, thô sơ nhưng tâm hồn giàu chí khí, khát vọng; có lòng tự tôn |
|  | dân tộc và ý thức trách nhiệm xây dựng quê hương |
|  |  |
| Lời dặn dò của cha với con:  “Con ơi…. nghe con” | Lời gọi “con ơi”, “nghe con” -> hình thức đối thoại nhẹ nhàng, ấm áp, thiết tha |
|  |
| Lời dặn dò mạnh mẽ, dứt khoát “không… nhỏ bé được” -> trao gửi đầy trách nhiệm |

**Văn bản 5 ÁNH TRĂNG *(Nguyễn Du)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khổ 1-2:*** Cảm nghĩ về vầng trăng tình nghĩa trong quá khứ:  “Hồi nhỏ … tình nghĩa” | Hoài niệm về trăng tuổi thơ: Hồi nhỏ, sống gắn bó, gần gũi với thiên nhiên.  Phép điệp “với” + liệt kê “với đồng/với sông/với bể” Gợi lại những kỉ niệm đẹp  Tình cảm gắn bó giữa người - trăng. |
| Hoài niệm về trăng chiến tranh: Hồi chiến tranh, người lính coi trăng là “tri kỉ”.  Nghệ thuật nhân hóa -> Tình cảm sâu nặng, thủy chung của trăng và người. |
| Nghĩa tình của trăng và người: Vầng trăng đẹp đẽ ân tình, gắn bó với những hạnh phúc gian lao của  con người. |
|  | Từ “trần trụi” + so sánh“hồn nhiên như cây cỏ” -> con người sống mộc mạc, bình bị, thanh cao  chân thật, hòa hợp với thiên nhiên. |
| Chữ “ngỡ” -> dự báo không tốt lành trước một điều gì có thể đổi thay. |
| Cụm từ “không bao giờ quên” Tưởng là một khẳng định chắc chắn.  Lại trở thành một nghi ngờ *(vầng trăng tình nghĩa với người lính,*  *tưởng sẽ mãi vững bền, nhưng lại thay đổi)* |
|  | Khi về thành phố: có nhiều thay đổi trong mối quan hệ giữa con người - vầng trăng. |
| ***Khổ 3:*** Cảm nghĩ về vầng trăng lãng quên trong hiện tại.  “Từ hồi … qua đường” | Hoàn cảnh sống thay đổi Con người từ “ở rừng” -> về “thành phố”  Cuộc sống khó khăn thiếu thốn -> đầy đủ, sung túc  (“ánh điện, cửa gương” Hoán dụ  Cuộc sống tiện nghi hiện đại) |
|  | Tình người đổi thay Tình cảm gắn bó thiên nhiên >< xa rời thiên nhiên  Vầng trăng vẫn rất gần “đi qua ngõ” -> nhân hóa  >< con người thờ ơ, lạnh nhạt, lãng quên trăng  “như người dưng…” so sánh  sự hờ hững vô cảm bạc bẽo của con người  Con người quay lưng lại với trăng chính là quay lưng lại với quá khứ,  với thiên nhiên, với quê hương và với chính bản thân mình. |

**ÁNH TRĂNG*(Nguyễn Duy)***

***Khổ thơ 4 - 5-6 - Vầng trăng trong suy tưởng***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khổ 4:*** Tình huống bất ngờ làm chuyển đổi mạch cảm nghĩ.  “Thình lình … trăng tròn” | Tình huống Đèn điện tắt, phòng tối om  Con người gặp lại vầng trăng “vội bật tung … trăng tròn” |
| Đảo ngữ, từ láy “thình lình” đưa lên trước ->nhấn mạnh tình huống bất ngờ |
| Nhịp thơ nhanh, hối hả + nhiều từ ngữ diễn tả sự đột ngột, nhanh chóng:  ->Diễn tả sự thay đổi bất thường *(“thình lình/vội/đột ngột”)*  ->Tạo tình huống để bộc lộ suy ngẫm, nhận thức. |
|  | Hình ảnh “vầng trăng tròn” -> biểu tượng của sự thủy chung, trọn vẹn |
| Đối lập Vầng trăng *(ánh sáng)*>< phòng “tối om” *(bóng tối)*  Không gian bao la >< không gian chật hẹp  Thiên nhiên thủy chung, tình nghĩa >< con người vô tình, lãng quên |
| Đánh thức suy ngẫm: vầng trăng tưởng vô tri, vô giác lại rất thủy chung; còn con  người có hiểu biết lại sống thiếu tình nghĩa. |
| ***Khổ 5-6***: Sự thức tĩnh  của con người.  “Ngửa mặt … giật mình” | Ý nghĩa tình huống: tạo bước ngoặt của cảm xúc Từ thờ ơ, bội bạc với trăng  Đến thức dậy nhiều suy ngẫm |
| Cuộc gặp gỡ giữa người và trăng: là cuộc gặp gỡ giữa hai tâm hồn  Hai từ “mặt” đặc sắc, đa nghĩa “ngửa mặt” -> nghĩa gốc: mặt người  “nhìnmặt→nghĩachuyển Mặt trăng  Quá khứ nghĩa tình  Lương tâm chính mình |
| Sự thức dậy của nhiều cảm xúc Niềm xúc động mãnh liệt, dâng tràn  “rưng rưng” -> mừng vui/xúc động/nghẹn ngào  Nhớ về kỷ niệm trong quá khứ, đánh thức những năm tháng  gian lao mà tình nghĩa *(Phép điệp “như là” + liệt kê “đồng/bể/sông/rừng…)* |
| Suy ngẫm, triết lí sâu sắc: Nguyên vẹn; tròn đầy; không thay đổi  “Trăng …tròn vành vạnh” Biểu tượng vẻ đẹp thiên nhiên vĩnh hằng  >< “Người vô tình” ->thờ ơ … Biểu tượng cho nghĩa tình quá khứ thủy chung và sự oo bao dung nhân hậu của thiên nhiên  “Ánh trăng im phăng phắc” -> Không trách cứ, vừa bao dung/vừa nghiêm khắc  “Giật mình” -> ăn năn sám hối -> nhận ra cái xấu-> vươn tới cái đẹp. |

**Văn bản 6 ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ*(Huy Cận)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | | So sánh “mặt trời xuống biển như hòn lửa” |
|  | Cảnh hoàng hôn trên biển kì vĩ | | Tả hình thể, màu sắc của mặt trời |
| ***Hai khổ thơ đầu:***  Cảnh đoàn thuyền ra khơi  “Mặt trời…..  …..….cá ơi” |  | | Gợi cảnh sáng tươi, rực rỡ, tráng lệ |
|  | | Nhân hóa + ẩn dụ: sóng “cài then” đêm “sập cửa” |
|  | | Vũ trụ như một ngôi nhà lớn đang vào đêm |
|  | | Màn đêm là tấm “cửa”, lượn sóng là “then cài cửa” |
|  | |  |
|  | Cảnh con người ra khơi hào hứng | | “Đoàn thuyền đánh cá” -> cảnh lao động tập thể vui tươi, nhộn nhịp |
|  |  | | náo nức, hào hùng, tự tin |
|  |  | | “Lại ra khơi” Công việc quen thuộc, đều đặn |
|  |  | | Có thể hiểu theo nghĩa tương phản |
|  |  | | <vũ trụ nghỉ ngơi>< con người lại ra khơi đánh cá> |
|  |  | | -> nổi bật sự nhiệt tình, hăng say lao động |
|  |  | | Câu hát-buồm-gió khơi, đan kết trong câu thơ |
|  |  | | Hình ảnh đẹp, lãng mạn, khỏe khoắn |
|  |  | | Sức mạnh tinh thần của con người hòa hợp với sức mạnh vật |
|  |  | | chất của thiên nhiên đưa thuyền ra khơi |
|  |  | | Tiếng hát tạo giọng điệu phấn khởi, khí thế ra khơi hào hứng của |
|  |  | | con người lao động làm chủ |
|  | Nội dung của lời hát: | Ca ngợi sự đẹp giàu của biển cả, của quê hương đất nước | |
|  | phấn khởi, say mê | *(Từ “bạc”-chỉ màu sắc của cá/ gợi sự giàu có của biển)* | |
|  |  | Thể hiện lòng yêu biển, tình cảm biết ơn của con người trước sự hào phóng, | |
|  |  | ưu đãi của biển. | |
|  |  | So sánh đẹp “cá thu… như đàn thoi” Tả hình dáng cá | |
|  |  | Tốc độ di chuyển | |
|  |  | Sự đông đúc của đàn cá | |
|  |  | Ca ngợi cuộc sống làm chủ, tự do, niềm phấn khởi tự hào của con người | |
|  |  | lao động mới | |
|  |  | Nhân hóa “Dệt biển” -> muôn luồng sáng của cá dệt thành biển cả lấp lánh | |
|  |  | “Dệt lưới” -> Lưới nhiều cá, ngỡ cá dệt thành lưới | |
|  |  | Cảnh ra khơi huy hoàng, hứa hẹn mùa cá bội thu | |

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ*(Huy Cận)***

***4 khổ thơ giữa “Thuyền ta… nắng hồng” – Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Ẩn dụ: đoàn thuyền lấy gió làm lái, lấy trăng làm buồm -> sự hài hòa giữ thiên nhiên - con người | | |
| Cảnh đánh cá đêm trăng:  “Thuyền ta….  ……….giăng” | Phóng đại: con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả-được nâng lên sánh với tầm vóc lớn lao của vũ trụ | | |
| Nhịp thơ: hối hả, lôi cuốn -> khí thế hăm hở, phấn khởi của người lao động | | |
| Từ ngữ: biểu cảm “Thuyền ta”: Tự hào con người lao động làm chủ… | | |
| “Lướt”: đoàn thuyền với tốc độ nhanh/nhẹ nhàng lướt sóng | | |
| Hình ảnh đẹp, vừa tả thực (“ra đậu rặm xa”) vừa lãng mạn, khỏe khoắn (“Dàn…) | | |
|  |  | |  |
|  | Liệt kê các loài cá: cá “nhu”/”chim”/”đé”/”song” với nhiều sắc màu rực rỡ: “đen”/ “hồng” | | |
| Tả các loài cá và gợi cảnh biển đẹp, giàu:  “Cá nhu….  ….Hạ Long” | Ẩn dụ: “Cá song… đuốc đen hồng”: cá song thân dài, trên mình nhiều chấm vạch, màu đen-hồng; bơi lội dưới | | |
| trăng trông như rước đuốc. | | |
| Nhân hóa: “Đêm thở sao lùa…” Tiếng sóng biển rì rầm như nhịp thở của đêm | | |
| Sao trời chiếu mặt biển lung linh huyền ảo | | |
| Từ biểu cảm | Gọi cá là “em” - ấm áp thân thương -> sự gắn bó gần gũi thiên nhiên – con người | |
|  | “Vàng chóc”: đuôi cá như quẫy vào ánh trăng làm biển bừng sáng | |
|  |  |  | |
|  | Lời hát của con người Con người cất tiếng hát say sưa, phấn khởi, niềm vui khiến công việc lao động | | |
| Tiếng hát gọi cá của người lao động  “Ta hát…. nào” |  | không vất vả mà thi vị “ta hát…” | |
|  | Thiên nhiên góp nhạc với con người: nhịp trăng gõ thuyền | |
| Lời cảm tạ biển khơi So sánh “biển… như lòng mẹ” Sự giàu có của biển | | |
|  | Tình cảm trân trọng biết ơn biển | |
|  | Âm hưởng thơ: vừa khỏe khoắn, hào ùng, lạc quan, vừa trữ tình. | |
|  |  | |
|  | Đêm đã tàn, trời sắp sáng “sao mờ” | | |
| Cảnh người lao động kéo lưới:  “Sao mờ….  …….hồng” | Người lao động khẩn trương chạy đua với thời gian “kéo lưới kịp trời sáng” | | |
| Động tác kéo lưới căng, đẹp, chắc khỏe “kéo xoăn tay”; ngôn ngữ giàu tín tạo hình | | |
| Thành quả lao động Những mẻ cá bội thu - ẩn dụ “chùm cá năng” (như chùm hoa quả…) | | |
| “vẩy bạc đuôi vàng” Sắc màu của các loài cá | | |
| Sự giàu có của biển khơi | | |
|  | Sự nhịp nhàng giữa công việc lao động của con người với nhịp vận hàn của vũ trụ “Lưới…” | | |

**Văn bản 7 MÙA XUÂN NHO NHỎ**

***(Thanh Hải)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Khổ 1**  Cảm xúc trước mùa xuân  thiên nhiên xứ Huế:  “Mọc giữa…………….  ………………….hứng” | Bức tranh thiên nhiên Hình ảnh giản dị, gợi cảm dòng sông xanh |
| mùa xuân xứ Huế bông hoa tím biếc |
| Màu sắc tươi tắn, hài hòa: Nền xanh của sông nổi bật; sắc tím của hoa |
| Sức xuân mạnh mẽ, dạt dào: Chữ “mọc” - đảo lên trước |
| -> gợi sức sống mãnh liệt; sự vươn lên trỗi dậy của thiên nhiên |
|  | Không gian cao rộng, trong sáng: dòng sông, mặt đất, bầu trời |
|  | Âm thanh rộn rã, tươi vui: tiếng chim chiền chiện hót |
|  |  |
|  | Cảm xúc nhà thơ Lời gọi “ơi…” Từ cảm thán -> Tiếng thốt lên đầy xúc động |
|  | Cảm xúc ngỡ ngàng, xao xuyến khi đón nhận khúc nhạc xuân  của đất trời |
|  | Câu hỏi tu từ: “Hót chi…” Cách nói dịu ngọt, êm ái của người Huế |
|  | Câu thơ vang lên như cuộc trò chuyện thân mật,  yêu thương giữa con người và thiên nhiên |
|  | Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “giọt”, “hứng”  Tiếng chim – âm thanh vô hình – cảm nhận bằng thính giác |
|  | “giọt” – hình khối hữu hình – cảm nhận bằng thị giác |
|  | “hứng” – cảm nhận bằng xúc giác – sự đón nhận trìu mến |
|  | Miêu tả vẻ đẹp mùa xuân, cảm nhận sắc xuân bằng mọi giác quan |
|  | (“giọt”- nhiều cách hiểu: giọt mưa xuân, giọt âm thanh, giọt mùa xuân |
|  | Tâm trạng say sưa ngây ngất, nâng niu, trân trọng của tác giả |
|  | Giọng thơ tha thiết -> tâm hồn yêu đời, yêu thiên nhiên, đất nước |
|  |  |
|  | ***Liên hệ***: Hoàn cảnh sáng tác bài thơ giúp người đọc thêm khâm phục |
|  | Thi sĩ Thanh Hải viết những vần thơ rất xuân khi đất trời chưa kịp sang xuân (11/1980) |
|  | Nhà thơ đang nằm trên giường bệnh mà vẫn yêu tha thiết cuộc đời |

**MÙA XUÂN NHO NHỎ*(Thanh Hải)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Khổ 2-3**  Cảm xúc về mùa xuân  nất nước:  “Mùa xuân người…….  ……………phía trước” | Cảm xúc về những con người cụ thể làm nên mùa xuân cho đất nước (khổ 2) |
| Hai hình ảnh cụ thể, sóng đôi hài hòa “người cầm súng” -> nhiệm vụ chiến đấu |
| biểu tượng cho 2 nhiệm vụ trọng tâm của đất nước “người ra đồng” -> nhiệm vụ sản xuất |
| Từ “lộc” biểu cảm Nghĩa thực : chồi non lá biếc “lộc giắt… lưng” - vòng lá ngụy trang của |
| người chiến sĩ |
|  | “lộc trải… mạ” - nương mạ xanh non của  người nông dân |
|  | Nghĩa ẩn dụ Sức sống, thế vươn lên, phát triển |
|  | Những điều tốt đẹp, may mắn đến với người chiến đấu  (những thắng lợi ở tiền tuyến) và người lao động (những  thành quả ở hậu phương) |
|  |  |
|  |  |
|  | Phép điệp “tất cả như” Gợi lên cảnh con người trong mọi lĩnh vực đều sôi nổi, |
|  | Từ láy “hối hả” nhộn nhịp, khẩn trương… |
|  | “xôn xao” |
|  | Giọng điệu khỏe khoắn, mạnh mẽ, hào hùng |
|  | Suy ngẫm khái quát về vẻ đẹp đất nước khi xuân về (khổ 3) |
|  | Nghệ thuật nhân hóa: “Đất nước như ….. vất vả và gian lao” |
| *Nghệ thuật hoán dụ:* | Chân dung đất nước vừa đau thương, vừa tự hào |
| *“Đất nước … trước”* | Khẳng định sức sống bền bỉ, mãnh liệt của đất nước |
|  | Yêu nước; tin tưởng, tự hào vào đất nước |
|  | Phép so sánh: “Đất nước như vì sao / cứ đi lên phía trước” |
|  | Đất nước mang vẻ đẹp rạng ngời như vì sao trên bầu trời, tỏa sáng vĩnh hằng |
|  | Niềm tự hào về đất nước trường tồn, bất diệt; niềm lạc quan vào tương lai đất nước |
|  | Phụ từ “cứ” + động từ “đi lên” -> khẳng định sức sống kì diệu của một đất nước gan góc, |
|  | kiên cường, thách thức mọi thế lực bạo tàn. |

**MÙA XUÂN NHO NHỎ*(Thanh Hải)***

***Cảm nhận về ba khổ thơ cuối bài thơ (khổ 4, 5, 6)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Khổ 4-5**  Ước nguyện của  nhà thơ:  “Ta làm……..…..  …….……tóc bạc” | Khát vọng hòa nhập Phép điệp “ta làm…” -> khát vọng cháy bỏng, mãnh liệt, muốn hóa thân vào |
| thiên nhiên, đất trời “làm con chim hót”, “làm một cành hoa”; hóa thân vào |
| mọi người: “nhập vào hòa ca” |
| Hình ảnh tự nhiên, giản dị “con chim hót” |
| “một cành hoa” |
|  | “một nốt trầm” |
|  | Ước nguyện muốn đóng góp phần nhỏ bé của mình làm đẹp  cho mùa xuân đất nước |
|  | Mong muốn được sống có ích là một lẽ tự nhiên |
|  | Sự chuyển đổi đại từ “tôi” -> ta Khát vọng hòa nhập của cá nhân vào cộng đồng |
|  | Lời tâm niệm của nhà thơ/của chung mọi người |
|  | Ước nguyện trang trọng, thiêng liêng, tha thiết... |
|  |  |
|  | Khát vọng cống hiến Ẩn dụ “mùa xuân nho nhỏ” -> ước nguyện cống hiến phần nhỏ bé nhưng |
|  | tốt đẹp, góp phần làm nên mùa xuân đất nước |
|  | Đảo từ láy “lặng lẽ” lên đâu câu ->khiêm tốn, giản dị, tình cảm và thái độ |
|  | cống hiến trân trọng, tự nguyện, thầm lặng |
|  | Hoán dụ “tuổi hai mươi” -> chỉ tuổi trẻ -> khẳng định ước nguyện  cống hiến suốt đời |
|  | “tóc bạc” ->chỉ tuổi già |
|  | Phép điệp “dù là” -> nhấn mạnh khát vọng dâng hiến sức sống riêng |
|  | trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện |
|  |  |
| ***Khổ thơ 6:***  Khúc hát ca ngợi quê hương, đất nước:  “Mùa xuân ta… đất Huế” | Nhà thơ muốn cất lên điệu “Nam ai Nam bình”; điệu dân ca tha thiết xứ Huế để đón mừng mùa xuân |
| -> yêu đời lạc quan |
| Khúc ca ca ngợi mùa xuân -> tạo ấn tượng về một bài ca không dứt -> bài ca về tinh thần yêu cuộc |
| sống, yêu mến tự hào về đất nước. |
|  |  |

**Văn bản 8: VIẾNG LĂNG BÁC *(Viễn Phương)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Câu 1 | Lời xưng hô vừa gần gũi, ấm áp, vừa kính trọng, thiêng liêng “con - Bác” | | |
| ***Khổ 1:*** Cảm xúc của tác giả khi đến lăng Bác:  “Con ở…………  ……..thẳng hàng” |  | Từ “thăm” -> phép nói giảm, nói tránh Làm vơi đi nỗi đau mất mát | | |
|  | Gợi cảm giác như Bác vẫn còn sống | | |
|  | Hình ảnh “miền Nam” Mảnh đất đau thương, kiên cường trong chống Mỹ | | |
|  |  | | Gợi tình cảm sâu nặng giữa Bác và đồng bào miền Nam |
|  |  |  | | Tình cảm tác giả hòa cùng tiếng lòng nhân dân với Bác |
|  |  |  | |  |
|  | Câu 2-3-4 | Hình ảnh “hàng tre” | | Tả thực Dãy tre dài bao bọc quanh lăng |
|  |  |  | | Tạo không gian quen thuộc, tĩnh lặng, trang nghiêm |
|  |  |  | | Tượng trưng cho sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc Việt Nam |
|  |  |  | | Ẩn dụ “Bão táp mưa sa” -> khó khăn, thử thách |
|  |  |  | | “đứng thẳng hàng” -> vững vàng, bất khuất |
|  |  | Thán từ “ôi” ->cảm xúc dâng trào mãnh liệt; giọng điệu thiết tha… | | |
|  |  |  | |  |
|  | Hai câu đầu | Hai hình ảnh mặt trời | | Hình ảnh tả thực: mặt trời tự nhiên, mang lại hơi ấm, ánh sáng, sự sống |
| ***Khổ 2:*** Cảm xúc của tác giả khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác:  “Ngày ngày………  ………..mùa xuân” |  |  | | Hình ảnh ẩn dụ: Bác Hồ là mặt trời |
|  |  | | Bất tử vĩnh hằng |
|  |  | | Soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam |
|  |  | | Mang lại ánh sáng tự do, hạnh phúc… |
|  | Ý nghĩa | | Ngợi ca sự vĩ đại, công lao to lớn của Bác với dân tộc… |
|  |  | | Gợi niềm tin về sự bất tử của Người với đất nước… |
|  |  |  | | Bày tỏ lòng tôn kính, tự hào, biết ơn vô hạn… |
|  |  | Mặt trời “rất đỏ” | | Gợi trái tim đầy nhiệt huyết cách mạng |
|  |  |  | | Lòng yêu nước thương dân sâu sắc |
|  |  | Nhân hóa “mặt trời đi qua… thấy” ->mặt trời thiên nhiên cũng như đang chiêm ngưỡng một mặt | | |
|  |  |  | trời khác trong lăng -> ngợi ca Bác | |
|  | Hai câu sau | Điệp ngữ “ngày ngày” | Thể hiện sự tiếp nối thời gian liên tục | |
|  |  |  | Tạo nhịp điệu chậm rãi, lắng sâu | |
|  |  | Ẩn dụ “kết tràng hoa” | -> kính dâng Bác những gì tốt đẹp nhất -> ngợi ca | |
|  |  | Hoán dụ “bảy mươi chín mùa xuân” -> chỉ tuổi đời của Bác ->xúc động, biết ơn | | |

**VIẾNG LĂNG BÁC*(Viễn Phương)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Hai câu đầu: | Phép nói giảm, nói tránh “Bác… giấc ngủ bình yên” -> giảm buồn đau, xót xa | | | | | |
| ***Khổ 3:*** Cảm xúc nhà thơ khi vào trong lăng Bác:  “Bác nằm………  ………trong tim” |  | Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” Tả thực: không gian trong lăng có ánh sáng dịu | | | | | |
|  | nhẹ, bình yên | | | | | |
|  | Ẩn dụ “vầng trăng” Vần thơ tràn đầy ánh | | | | | |
|  |  | | trăng trong trong thơ Bác | | | |
|  |  |  | | | | | |
|  | Hai câu sau: | Hình ảnh “trời xanh” -> ẩn dụ | | | | | Bác sống mãi như trời xanh *(lí trí)* |
|  |  |  | | | | | Ca ngợi sự cao cả, vĩ đại, trường tồn của Bác |
|  |  | Từ “nhói” -> cảm xúc hẫng hụt, trống vắng, xót xa trước sự ra đi của Bác | | | | | |
|  |  | Giọng trầm lắng thể hiện cảm xúc nghẹn ngào, tiếc thương… *(cảm xúc)* | | | | | |
|  |  |  | | | |  | |
|  | Câu 1: | Nhà thơ lưu luyến không muốn rời, niềm nhớ thương vỡ òa “thương trào nước mắt” | | | | | |
|  |  | Giọt nước mắt kính yêu, trân trọng vô bờ, xúc động sâu sa | | | | | |
| ***Khổ 4:*** Cảm xúc nhà thơ khi rời lăng, ra về:  “Mai về………  …….chốn này” |  | Hình ảnh “miền Nam” | | | Thể hiện sự xa cách vời vợi | | |
|  |  | | | Bộc lộ cảm xúc thành kính, tiếc thương của nhà thơ, cũng | | |
|  |  | | | là tình cảm chung của miền Nam với Bác | | |
|  |  | | | Tạo kết cấu đầu - cuối tương ứng | | |
|  |  | | |  | | |
| Câu 2-3-4: | Ước nguyện được hóa thân, hòa nhập vào cảnh vật bên lăng để được mãi bên Bác | | | | | |
|  | Điệp ngữ “muốn làm” | | Tạo nhịp thơ dồn dập, lời thơ tha thiết | | | | |
|  |  | | Diễn tả khát vọng chân thành được hiến dâng của tác giả | | | | |
|  | Hình ảnh giản dị, gợi cảm | | Muốn làm con chim dâng tiếc hót vui | | | | |
|  |  | | Muốn làm đóa hoa tỏa hương sắc thơm | | | | |
|  |  | | Muốn làm cây tre “trung hiếu” như người chiến sĩ gác cho Bác được | | | | |
|  |  | | bình yên mãi mãi | | | | |
|  | Hình ảnh “cây tre” được nhắc lại *(khổ 1 - khổ 4)* Tạo kết cấu đầu - cuối tương ứng | | | | | | |
|  | Nhân hóa, ẩn dụ -> khát vọng trở thành người lính | | | | | | |
|  | “trung hiếu” tiếp bước Bác | | | | | | |
|  | Từ ngữ chỉ không gian gần gũi, gắn kết “đâu đây”, “chốn này”, “quanh lăng” -> lưu luyến, bịn rịn | | | | | | |

**Văn bản 9 SANG THU*(Hữu Thỉnh)***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Khổ 1***  Cảm nhận của nhà thơ  khi đất trời bắt đầu sang thu  “Bỗng nhận..…  …………đã về” | Cảm nhận những tín hiệu thu Cảm nhận khứu giác “hương ổi”, “phả” |
| “Hương ổi” -> mùi hương quê quen thuộc, mộc mạc |
| “phả” -> hương thơm lan tỏa nhẹ nhàng |
| Cảm nhận xúc giác “gió se” gió nhẹ, lạnh |
| đặc trưng tiết thu |
|  | Cảm nhận thị giác “sương… ngõ” |
|  | “chùng chình” từ láy + nhân hóa |
|  | sương chuyển động nhẹ nhàng như cố ý đi chậm lại, |
|  | lưu luyến mùa hạ ngập ngừng chưa bước hẳn sang thu |
|  | “ngõ” Tả thực, chỉ ngõ xóm, đường quê |
|  | Gợi cửa ngõ thời gian giữa hai mùa |
|  | Cảm xúc của tác giả “bỗng nhận ra…” gợi sự bất ngờ, đột ngột, ngỡ ngàng, |
|  | xúc động trước tín hiệu chuyển mùa |
|  | “Hình như thu đã về” phỏng đoán, nghi hoặc hữu hình hóa bước đi thời gian |
|  |  |
|  |  |
|  | Hình ảnh đối lập sông “dềnh dàng” lời thơ giàu nhạc điệu |
| **Khổ 2:**  Cảm nhận rõ hơn về đất trời ngả dần sang thu *(thuở không gian rộng lớn hơn)*  “Sông ….. sang thu” | chim “vội vã” cảnh cân xứng, hài hòa |
| *(gần/xa; thấp/cao; mặt đất/bầu trời)* |
| Nghệ thuật nhân hóa, từ láy biểu cảm sông trôi chậm/ ngẫm ngơi suy tư |
| chim vội vã bay đi tránh rét |
| Hình ảnh thú vị: “đám mây mùa hạ/ vắt nửa mình sang thu -> nhân hóa |
| Đám mây mềm mại, mỏng manh vắt ngang trời -> thơ mộng |
| Mây là nhịp cầu nối hai mùa *(dùng không gian -> gợi tả thời gian)* |
|  | *(lấy cái hữu hình tả cái vô hình)* |

**SANG THU*(Hữu Thỉnh)***

***Khổ thơ cuối: Cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển của cảnh vật sang thu***

***bằng tâm tưởng và suy ngẫm về sự sang thu của đời người***

***“Vẫn còn…….. đứng tuổi”***

|  |  |
| --- | --- |
| Nghĩa tả thực: | Những hiện tượng thiên nhiên đặc trưng của mùa hạ giảm dần, sắc thu hiện rõ nét |
|  | Sang thu, vẫn còn nắng nhưng mưa nhỏ và ít đi “Vẫn còn bao nhiêu nắng…. cơn mưa” |
|  | Sấm thưa và nhỏ dần, không đủ sức lay động hàng cây đã bao mùa lá “Sấm…. tuổi” |
|  | *(Các từ “vẫn còn”/ “đã vơi dần”/ “cũng bớt” ->như đo điếm được dộ đậm nhạt của nắng* |
|  | *khối lượng đầy vơi của mưa ->tinh thế)* |
|  |  |
| Nghĩa ẩn dụ: | Suy tư về con người lúc sang thu |
|  | “Sấm”: những tác động của ngoại cảnh, những thay đổi bất thường của cuộc đời. |
|  | “Hàng cây đứng tuổi”: những con người đã từng trải |
|  | Khi cuộc đời đã sang thu, con người chín chắn, vững vàng hơn trước tác động bất thường của ngoại cảnh |
|  | *(Nhân hóa “sấm - bớt bất ngờ”, “Hàng cây đứng tuổi)* |
|  |  |
| Nghĩa mở rộng: | Suy ngẫm về sự sang thu của đất nước |
|  | Bài thơ viết năm 1977, khi đất nước mới hòa bình 2 năm |
|  | Đất nước đã trải qua sự khốc liệt của chiến tranh nên vững vàng vượt qua mọi thử thách, bước vào tương lai. |
|  |  |
| \* Nội dung: Cảm nhận tinh tế về sự biến đổi của thiên nhiên ở thời điểm giao mùa.  Tình yêu thiên nhiên thiết tha, tâm hồn nhạy cảm và sâu sắc trước con người, cuộc đời.  \* Nghệ thuật: Thể thơ năm chữ; nhiều hình ảnh đặc sắc, giàu sức gợi; ngôn ngữ trong sáng, tinh tế | |

**PHẦN TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

1. **HỆ THỐNG truyÖn hiÖn ®¹i**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tác phẩm- Tác phẩm** | **Hoµn c¶nh STT** | **ThÓ lo¹i** | **Ngôi kể** | **Ý nghĩa nhan đề** | **Tình huống** | **Néi dung** | **NghÖ thuËt** |
|  | **Làng (Kim Lân)**  . | **Viết năm 1948**  Thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp | Truyện ngắn | Ngôi thứ ba  Tác dụng : Thể hiện cách đánh giá khách quan của người kể với nhân vật.  -> Vè đẹp nhân vật hiện lên khách quan.  + Người kể điều chỉnh được nhịp kể, có thể quan sát toàn diện hành động, cử chỉ của nhân vật. | Lµng: Nhan đề là DT chung mang ý nghĩa khái quát→ Tinh thần kháng chiến, tinh thần cách mạng của bao làng quê Việt Nam, mà làng chợ Dầu chỉ là một làng điển hình. | Tình huống thứ nhất: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo giặc, ông bàng hoàng đau đớn.  →Đây là tình huống quan trọng nhất bởi tình huống này là tình huống thắt nút câu chuyện đẩy câu chuyện lên đỉnh điểm. Chính tình huống này đã bộc lộ tâm trạng căng thẳng thử thách nội tâm nhân vật, từ đó thể hiện rõ tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai  Tình huống thứ hai: Ông Hai nghe tin làng chợ Dầu cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người về tây đốt nhà ông rồi.  →Đây là tình huống mở nút: tâm trạng căng thẳng của ông Hai đã được giải tỏa. Tình huống này góp phần thể hiện rõ tình yêu làng, yêu nước của nhân vật ông Hai. | Tình yêu làng quê thắm thiết, thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai | - Xây dựng tình huống truyện đặc sắc.  - Miêu tả tâm lý.  -Ngôn ngữ  - Ng«n ng÷ nh©n vËt ®Æc s¾c mang tÝnh khÈu ng÷. |
| 2 | “**Lặng lẽ Sa Pa”**  ( Nguyễn Thành Long) | **Viết năm 1970**  - Là kết quả của chuyến đi thực tế lên Lào Cai của tác giả. | Truyện ngắn | -Ngôi kể thứ ba  -Đặt điểm ông họa sĩ.  **Tác dụng**: Thể hiện cách đánh giá khách quan của người kể với nhân vật.  -> Vè đẹp nhân vật hiện lên khách quan.  + Người kể điều chỉnh được nhịp kể, có thể quan sát toàn diện hành động, cử chỉ của nhân vật. | Nhan đề : đảo trật tự từ ( đảo trật tự cú pháp), tính từ “lặng lẽ” đứng trước danh từ Sapa.→, tác giả nhấn mạnh Sapa yên tĩnh, thơ mộng.,  - Nhan đề còn muốn nhấn mạnh ở vùng đát Sapa còn có những con người lao động, cống hiến thầm lặng, hết mình cho tổ quốc. | - Là cuộc gặp gỡ tình cờ, ngắn ngủi giữa anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe, hai hành khách trên chuyến xe ấy: ông họa sĩ và cô kĩ sư. Họ lên thăm nơi ở, nơi làm việc của anh.  - **Tác dụng**: Tình huống này là cơ hội thuận lợi để nhân vật chính hiện ra trong sự quan sát, suy ngẫm của các nhân vật khác, đặc biết là ông họa sĩ. Vì thế, vẻ đẹp của nhân vật chính- anh thanh niên- không chỉ hiện lên một cách tự nhiên mà còn được soi chiếu, đánh giá từ cái nhìn của nhân vật khác. | - Ca ngợi hình ảnh người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao.  - Qua đó, khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. | -Tình huống truyện hợp lí.  - Cách kể chuyện tự nhiên, kết hợp giữa tự sự và trữ tình, bình luận.  - Truyện toát lên chất thơ trong sáng từ phong cảnh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng đến hình ảnh những con người nơi đây. |
| 3 | **Chiếc lược ngà**  **ChiÕc l­îc ngµ**  ( Nguyễn Quang Sáng**)** | **Viết năm 1966**  khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. Lúc đó, tác giả đang hoạt động ở chiến trường Nam Bộ.  - Được in trong tác phẩm cùng tên. | Truyện ngắn | - Ngôi thứ nhất ( bác Ba – người bạn ông Sáu, người chứng kiến toàn bộ câu chuyện)  - Tác dụng: Làm cho câu chuyện chân thực, đáng tin cậy, nhưng cũng khách quan.  +Ngôi kể thứ nhất làm cho người kẻ gần gũi với người đọc và người kể có thể trực tiếp bày tỏ cảm xúc, thái độ đối với sự việc và nhân vật trong truyện. | -Chiếc lược ngà là hình ảnh đặc sắc trong truyện, là đầu mối của câu chuyện và tạo nên sự phát triển của tình tiết trong truyện  - là cây cầu nối tình cảm giữa các nhân vật:  +Với bé Thu, là niềm khao khát tình cha con và mong ngày đoàn tụ.  +Với ông Sáu, chứa đựng tình phụ tử thiết tha, sâu nặng là nơi ông giữ trọn nỗi niềm mong nhớ con.  +Với bác Ba, chiếc lược ngà là lời ủy thác thiêng liêng là lời trao gửi của người đồng đội. | -Tình huống thứ nhất : cuộc gặp gỡ hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách nhưng bé Thu không nhận ông Sáu là cha, đến lúc bé Thu nhận ông Sáu là cha thì ông Sáu lại trở lại chiến trường.  - Tình huống thứ hai: ở căn cứ ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương của mình để làm chiếc lược bằng ngà tặng con gái, cây lược vừa hoàn thành ông Sáu lại hi sinh.  - Tác dụng:Nếu như tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành cho ba thì tình huống thứ hai lại bộ lộ tình cảm sâu sắc của ông Sáu dành cho bé Thu***.*** | Tình cha con cao đẹp và sâu nặng trong cảnh ngộ chiến tranh éo le. | -Nghệ thuật xây dựng tình huống bất ngờ, hợp lý.  - Thành công trong việc miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật đặc biệt nhân vật bé Thu |
| 4 | **Những ngôi sao xa xôi.**  **( Lê Minh Khuê.)** | Viết vào năm 1971, khi cuộc kháng chiên chống Mĩ diễn ra ác liệt. | Truyện ngắn | - Ngôi thứ nhất- Phương Định.  - Tác dụng:  +Làm câu chuyện trở nên chân thực.  +Tạo điều kiện thuận lợi để người kể tái hiện lại cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn.  +Người kể dễ dàng bộc lộ nội tâm, suy nghĩ của mình. | - Gợi lên những ngôi sao to trên bầu trời mà Phương Định nhớ về. Hình ảnh đó đã gợi nên những tính cách hồn nhiên của Phương Định.  -Mượn hình ảnh thiên nhiên là những ngôi sao trên trời để ca ngợi những cô thanh niên xung phong làm việc trên cao điểm xa xôi ít người biết đến, nhưng ánh mắt, hành động của họ luôn tỏa sáng cho thế hệ mai sau.. | **-**Cuộc sống chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn  \_ Tác dụng:  Góp phần làm nổi bật lên vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong: dũng cảm vượt qua khó khăn gian khổ, hồn nhiên lạc quan→ Vẻ đẹp của thế hệ trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. | Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong trên một cao điểm của tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật lên tâm hồn trong sáng, tâm hồn thơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ nhưng rất lạc quan của họ. | -Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất, tạo điều kiện để tác giả thuận lợi miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật, và điểm nhìn phù hợp để tái hiện cuộc sống chiến đấu ở Trường Sơn.  - Xây dựng nhân vật chủ yếu là miêu tả tâm lý.  - Ngôn ngữ giọng điệu phù hợp với người kể chuyện.. |

**B. TÁC PHẨM CỤ THỂ**

**LÀNG *(Kim Lân)***

***Phân tích nhân vật ông Hai***

|  |  |
| --- | --- |
| Tâm trạng ông Hai lúc nghe tin làng theo giặc  Tâm trạng ông Hai trước khi nghe tin làng theo giặc | Nhớ làng Ở nơi tản cư, ông hay nghĩ về làng, thấy “nhớ cái làng quá”.  Nhớ những ngày “cùng làm việc với anh em” muốn về làng cùng anh em:  “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá”. |
| - Phấn chấn náo nức khi nghe được - Vào phòng thông tin, nghe đọc báo  những tin hay về kháng chiến - Vui trước tin thắng lợi của quân ta  “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên…” |
| Lúc mới nghe tin Ông sững sờ, choáng váng “cổ ông lão nghẹn cứng lại….”  “ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được…”  “giọng lạc hẳn đi …”  Xấu hổ nhục nhã khiến ông “cúi gằm mặt xuống mà đi” |
|  | Về đến nhà Khổ tâm, thương con, nghĩ đến sự hắt hủi, khinh bỉ của mọi người dành cho chúng  “nước mắt ông lão giàn ra”.  Căm giận dân làng, ông “rít lên”: “chúng bay …bán nước…”  Trấn tĩnh, nghĩ lại, ông khó tin nhưng rồi cay đắng nghĩ:  “ai người ta hơi đâu bịa tạc ra …”  Lo sợ mọi người khinh bỉ, tương lai không biết làm ăn sinh sống thế nào?  Cáu gắt vô cớ với vợ, trằn trọc không ngủ được … |
|  | Suốt mấy ngày sau Tủi hổ lo sợ, không dám ra khỏi nhà, ám ảnh, mặc cảm nặng nề, sợ hãi thường  xuyên thay đổi tính cách.  U ám, bế tắc khi mụ chủ nhà ngỏ ý không cho ở nhờ.  Xung đột nội tâm gay gắt “Hay là quay trở về làng ?”  Không thể vì về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.  Quyết định, dứt khoát “Làng thì yêu thật … phải thù”  Trò chuyện với con trai Muốn con ghi nhớ làng Chợ Dầu là quê hương  Tự giãi bày tình yêu nước thủy chung với cách  mạng, Cụ Hồ. |

**LÀNG*(Kim Lân)***

***Nhân vật ông Hai trong tác phẩm (tiếp theo…)***

|  |  |
| --- | --- |
| Tâm trang ông Hai khi tin làng theo giặc được cải chính | Ông vô cùng vui sướng Cái mặt “buồn thỉu” “bỗng” -> “tươi vui rạng rỡ”  “Cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy”  Vui vẻ chia quà cho các con |
|  | Ông hể hả khoe với mọi người Tin làng Chợ Dầu theo Tây được cải chính  (nhắc lại hai lần) Nhà ông bị Tây đốt:  Đó là minh chứng hùng hồn khẳng định làng ông không theo giặc  Thể hiện tấm lòng ông Hai ngay thẳng, trung thực; coi danh dự lớn  hơn tài sản vật chất  Bộc lộ tinh thần yêu nước và ý thức cách mạng của người nông dân  trong kháng chiến chống Pháp. |
| Nghệ thuật xây  dựng nhân vật | Miêu tả nội tâm cụ thể, sâu sắc qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.  Đặt nhân vật vào tình huống thử thách để bộc lộ tính cách. |
| Ngôn ngữ giản dị, gần gũi, giọng trần thuật linh hoạt. |
|  |  |
| Tư tưởng, tình cảm  tác giả | Ca ngợi tình cảm yêu làng quê hòa trong tình yêu quê hương đất nước ở những người nông dân thời  chống Pháp. |
|  |  |

**LẶNG LẼ SA PA *(Nguyễn Thành Long)***

***Nhân vật anh thanh niên***

|  |  |
| --- | --- |
| Vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên  Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên | Sống và làm việc nơi thiên nhiên khắc nghiệt Anh 27 tuổi sống trên đỉnh Yên Sơn 2600m  “Bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo”. |
| Còn trẻ mà phải sống một mình, cô đơn: anh là “người cô độc nhất thế gian” “thèm người”. |
| Công việc đòi hỏi sự kiên trì, chính xác, đều đặn, phải vượt qua những khó khăn của thời tiết. |
| “Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu”, “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây…”  để góp phần dự báo thời tiết, phục vụ sản xuất và chiến đấu. |
| Một ngày phải báo về trung tâm 4 lần, khổ nhất là vào lúc 1h sáng … |
|  | Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. |
| .Anh thanh niên là một chân dung vô danh - tiêu biểu cho vẻ đẹp của con người lao động mới  ->ngợi ca …  .Nghệ thuật: xây dựng tình huống gặp gỡ, miêu tả nhân vật từ nhiều điểm nhìn, chi tiết giản dị, ngôn ngữ giàu chất trữ tình, chất thơ. | Công việc khó khăn nhưng anh luôn vượt qua để hoàn thành nhiệm vụ: 4 năm chưa một lần sai giờ “ốp” |
| Làm việc với tinh thần tự giác và trách nhiệm cao, chiến thắng thiên nhiên khắc nghiệt và chiến thắng  chính mình: ngày nào cũng báo về trung tâm 4 lần. |
| Vượt qua nỗi cô đơn để cống hiến Mới lên SaPa, thèm người, lấy cây chắn ngang đường  Về sau, anh nghĩ “nếu là nỗi nhớ phồn hoa … thì xoàng”. |
| Lý tưởng sống cao đẹp, quan niệm đúng đắn, sâu sắc về công việc, về cuộc sống.  Anh cho rằng làm việc ở độ cao trên 3000m mới là lý tưởng “anh ban ở Phan-xi-phăng …”.  Suy nghĩ về công việc “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được” |
| Công việc của anh “gắn liền với bao anh em, đồng chí dưới kia”. |
|  | Công việc tuy gian khổ nhưng nếu cắt nó đi thì “buồn đến chết mất” |
| |  | | --- | |  | | Quan niệm về hạnh phúc: thật đơn giản mà cũng thật đẹp: khi đoàn không quân lên thăm, nói nhờ có anh  mà không quân ta bắn rơi được máy bay Mĩ -> anh hạnh phúc.  Nghị lực trong cuộc sống Tự tạo cho mình cuộc sống vật chất đầy đủ Có vườn rau xanh  Có gà đẻ trứng  Tự tạo cho mình nguồn vui tinh thần Trồng hoa |
|  | Đọc sách |
|  | Sắp xếp căn nhà ngăn nắp, gọn gàng |
|  | Phong cách sống đẹp; chân thành cởi mở, khiêm tốn |
|  | Quý khách, nhiệt tình trò chuyện, pha nước, tặng giỏ trứng gà tươi ăn đường …  Tặng cô gái bó hoa, gửi biếu củ tam thất cho vợ bác lái xe …  Họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh từ chối giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn như: ông kĩ sư ở  vườn rau Sa Pa; anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. |

**LẶNG LẼ SA PA *(Nguyễn Thành Long)***

***Những nhân vật khác trong tác phẩm***

|  |  |
| --- | --- |
| Ông họa sĩ  Cô kỹ sư | * Một con người từng trải, có tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên: Ông phát hiện ra cái đẹp của   thiên nhiên Sa Pa “bắt đầu với những rặng đào … những đàn bò lang cổ có đeo chuông…”. |
| * Một trí thức lịch thiệp, có đời sống nội tâm phong phú, yêu cuộc sống, yêu con người:   Gặp anh thanh nhiên, nhận ra vẻ đẹp tâm hồn anh, ông “xúc động” đến “bối rối”.  “Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một  tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác … một chuyến đi dài”. |
| * Một nghệ sĩ chân chính, yêu nghệ thuật, say mê sáng tác cái đẹp. |
| Ông luôn say mê tìm kiếm đối tượng sáng tác: Ông thấy ngòi bút của ông “như là một quả tim  nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao lên …”  Ông đã ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa  “người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá …” |
| Ông luôn trăn trở về sứ mệnh nghề nghiệp *“Ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa*  *trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời”.* |
|  | Cô gái trẻ mới tốt nghiệp đại học, tình nguyện lên nhận công tác tại miền núi Lai Châu. |
|  | Cô vừa từ bỏ mối tình nhạt nhẽo nơi đô thành để đến với những xúc cảm mới mẻ … |
| Ông kỹ sư vườn rau | Cô “bàng hoàng” và khâm phục trước anh thanh niên: cô xúc động nhìn những trang sách anh đọc để  trênbàn, biết ơn không chỉ vì bó hoa anh tặng mà còn bởi một bó hoa nào khác nữa…  *(sự hào hứng, nhiệt huyết, lẽ sống cao đẹp …)* |
| Cô yên tâm hơn về quyết định rời Thủ đô lên miền núi công tác của mình. |
| Ngày này qua ngày khác ngồi trong vườn, chăm chú nhìn cách ong lấy phấn, thụ phấn để tự tay thụ phấn  cho hàng vạn cây su hào để củ su hào nước ta được to hơn, ngọt hơn. |
| Anh cán bộ  nghiên cứu sét |  |
|  | Mười một năm không một ngày xa cơ quan, luôn trong “tư thế sẵn sàng, suốt ngày chờ sét để lập bản đồ  sét của riêng nước ta, mong tìm ra tài nguyên cho đất nước. |
|  |  |
| Bác lái xe |  |
|  | Tốt bụng, vui tính, cởi mở, nhiệt tình với khách, bác như người dẫ chuyện có duyên …. |
|  | *“Tôi sắp giới thiệu với bác một người cô độc nhất thế gian ….”* |

**CHIẾC LƯỢC NGÀ *(Nguyễn Quang Sáng)***

***Nhân vật ông Sáu***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoàn cảnh của  ông Sáu | Ông phải xa nhà đi kháng chiến lúc con gái chưa đầy một tuổi |
|  | Ông chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ vì hoàn cảnh chiến tranh không thể gặp con |
|  | Lúc ông Sáu về thăm nhà, gặp con ở bến xuồng: “Cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh |
|  | Trong giây phút gặp gỡ con, ông Sáu hồi hộp, xúc động“ Xuồng chưa cập bến, ông đã “nhảy thót lên”… |
|  | “Bước vội vàng với những bước dài” |
|  | “Kêu to tên con, “đưa tay đón chờ con” |
|  | Nói với con “giọng lập bập run rung”: “Ba đây con |
| Tình yêu con sâu sắc của ông Sáu | Khi bị con chối bỏ, ông Sáu hụt hẫn, đau đớn “đứng sững”, “mặt sầm lại”  Thấy bé Thu “giật mình”, “ngơ ngác”, “hốt hoảng bỏ chạy”, ông Sáu “hai tay buông xuống như bị gãy” |
|  | Trong ba ngày ông Sáu nghỉ phép ở nhà Ông chẳng đi đâu xa, “lúc nào cũng vỗ về con” |
|  | Ông mong được nghe tiếng ba nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi |
|  | Mẹ bảo gọi ba vào ăn cơm, bé Thu nói trống không “vô ăn cơm”  Ông Sáu đau lòng, chỉ biết lắc đầu cười: “Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi  không khóc được nên anh phải cười vậy thôi”. |
| Mẹ đi vắng, lúc cần nhờ ba chắt nước cơm, bé Thu cũng không gọi  ba mà tự múc nước ra. |
| Trong bữa cơm, ông Sáu gắp cho con miếng trứng cá nhưng con bé  hất đi, ông đánh con khiến nó bỏ sang nhà ngoại. |
| Lúc ông Sáu chuẩn bị lên đường Ông muốn ôm hôn con, sợ con bỏ chạy nên chỉ “đứng nhìn” với “đôi mắt vừa  trìu mến, vừa buồn rầu” *(ánh nhìn ẩn chứa tình yêu nỗi buồn, khát khao…)* |
| Khi con nhận ra ba,ông xúc động rơinước mắt, ôm convào lòng, hôn lên tóc con |
| Lúc ông Sáu ở chiến khu Ông Sáu thương nhớ con và nỗi khổ tâm ân hận vì đã đánh con cứ giày vò ông. |
| Ông dồn tất cả tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà tặng con. |
| Vui sướng khi kiếm được ngà voi làm lược “mắt hớn hở như đứa trẻ được quà. |
| Thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc, “gò lưng tẩn mẩn khắc dòng  chữ trên lược “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. |
| Nhớ con, ông lấy lược ra ngắm, cây lược “chưa chải được …. gỡ rối … của anh” |
| Ông bị thương nặng, trước lúc hi sinh ông chỉ kịp lấy cây lược đưa cho người  đồng đội – nhìn hồi lâu rồi “mới nhắm mắt” *(tình cha con không thể chết).* |

**CHIẾC LƯỢC NGÀ *(Nguyễn Quang Sáng)***

***Nhân vật bé Thu trong truyện***

Tâm trạng, hành động của bé Thu khi chưa nhận ra ba

|  |  |
| --- | --- |
|  | Gặp ba ở bến xuồng, Thu ngạc nhiên, sợ hãi “Giật mình, tròn mắt nhìn”  “Ngơ ngác, lạ lùng” “mặt tái đi”  “Vụt chạy”, kêu thét gọi má |
| Trong những ngày ba nghỉ phép ở nhà, Thu lảng tránh, lạnh lùng, kiên quyết không gọi ba trong mọi tình  huống (3 tình huống) “Vô ăn cơm” |
| **\***Nhân vật Thu được xây dựng chân thực, xúc động với tình yêu thương cha sâu sắc mãnh liệt nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi, bởi Thu có cá tính mạnh mẽ và tâm hồn ngây thơ.  **\***Nghệ thuật: Miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, xây dựng tình huống truyện thật bất ngờ giàu tính kịch và giàu chất trữ tình, ngôn ngữ Nam Bộ … | Lúc má bảo gọi ba vào ăn cơm, Thu nói trống không “Cơm chín rồi” |
| Khi cơm sôi, cần sự giúp đỡ của người lớn để chắt bớt nước “…chắt nước giùm”  Thu không nhờ ba mà tự làm lấy công việc nguy hiểm “Cơm sôi rồi, nhão bây giờ…” |
| Trong bữa ăn ba gắp cho trứng cá, hất tung cái trứng cá ra |
| Ba tức giận đánh, Thu không khóc, ngồi im, “đầu cúi gằm xuống …” |
| Thu gắp lại trứng cá vào chén, lặng lẽ đứng dậy, bỏ sang nhà ngoại … |
| Xuống xuồng, Thu cố ý khua dây cột xuống kêu rổn rảng thật to … |
| Phản ứng tâm lý tự nhiên, bất ngờ nhưng phù hợp tâm lí trẻ thơ |
| Tính cách Thu bướng bỉnh, cá tính mạnh mẽ và hồn nhiên ngây thơ |
| Tấm lòng yêu thương ba sâu sắc, mãnh liệt, nhưng chỉ yêu người cha trong tấm ảnh ba chụp chung với má |
| Trong đêm Thu ở nhà ngoại Được ngoại giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba  “ba đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương” |
| Thu “nằm im”, “lăn lộn, thỉnh thoảng lại thở dài”… |
| Sáng hôm sau, bảo ngoại đưa về nhà (ân hận …) |
| Trong buổi sáng trước lúc Thái độ của Thu thay đổi Vẻ mặt “sầm lại buồn rầu”  ông Sáu lên đường Cái nhìn với vẻ “nghĩa ngợi…” |
| Tâm trạng, hành động của bé Thu khi nhận ra ba | “Đôi mắt … bỗng xôn xao” |
| Hành động của Thu: đây tình yêu danh cho ba |
| Kêu thét lên “Ba…a…a…ba!”, “tiếng kêu như tiếng xé …” |
| Chạy thót lên …. ôm chặt lấy cổ ba …. |
| Hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn cả vết thẹo dài trên má ba. |
| Nói trong tiếng khóc “không cho ba đi” – hẹn ba mua cây lược. |

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI *(Lê Minh Khuê)***

***Nhân vật Phương Định***

|  |  |
| --- | --- |
| Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh | Phương Định cùng hai người bạn làm thành tổ trinh sát mặt đường ở Trường Sơn. |
| Nơi sống và làm việc: ở trong một cái hang dưới chân cao điểm đầy bom đạn ác liệt  *(“đường ở loét”, “hai bên đường không có lá xanh”, “thân cây bị tước khô cháy”)* |
| Công việc khó khăn nguy hiểm, luôn cận kề với cái chết.  *(“đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ, phá bom”)* |
| Vẻ đẹp ngoại hình: nữ tính, đáng yêu | Cô gái Hà Nội trẻ trung xinh đẹp, tự đánh giá mình “là một cô gái khá” |
| Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. |
| Đôi mắt “có cái nhìn sao mà xa xăm”, “dài dài màu nâu hay nheo lại…” |
|  | Lòng yêu nước, lí tưởng sống cao đẹp Từ biệt quê hương vào chiến trường  Sẵn sàng chấp nhận gian khổ hi sinh |
| Vẻ đẹp nội tâm vừa dũng cảm, vừa mơ mộng, giàu tình cảm | Dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao. |
| Công việc nguy hiểm đã trở thành công việc hàng ngày tới mức quen  *(Một ngày phá bom đến 5 lần, ngày ít: 3 lần, có nghĩ tới cái chết nhưng chỉ thoảng qua*  *“một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”)* |
| Gan dạ khi phá bom Ban đầu, Phương Định thấy căng thẳng hồi hộp.  Khi cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ đang dõi theo, cô không sợ nữa  *(dũng cảm, tự trọng)*  Bình tĩnh thực hiện những động tác phá bom |
|  | Tình đồng chí đồng đội sâu sắc Quý trọng, cảm phục tất cả các chiến sĩ  *“những người đẹp nhất …. có ngôi sao trên mũ”*  Hiểu cá tính của từng đồng đội …..  Yêu thương, lo lắng, chăm sóc cho đồng đội như ruột thịt  *(Nho bị thương: rửa vết thương, băng bó, tiêm thuốc pha sữa)* |
|  | Tâm hồn nhạy cảm, mơ mộng Hay nhớ về thời học sinh, hoài niệm về gia đình  Thích hát và thuộc nhiều bài hát  Đón nhận cơn mưa đá hồn nhiên, lãng mạn  Quan tâm tới hình thức – Kín đáo giữa đám đông. |

*2 Những phong cách riêng* ***của từng nhân vật***

\* Chị Thao: là người nhiều tuổi, là tổ trưởng. Chị hay làm dáng, thích tỉa lông mày như que tăm, áo lót thêu chỉ màu.

- Ở chị có tính cách tưởng như mâu thuẫn:

+Thích chép bài hát nhưng không bao giờ hát đúng, hát không hay, không trôi chảy.

+Trong công việc táo bạo, quyết đoán, dũng cảm nhưng trong cuộc sống sợ máu và vắt, ghét khóc, ghét nhìn thấy nước mắt, nhất là lúc cần sự can đảm.

=>Trong chị có sự nhút nhát, yếu mềm nhưng cũng kiên định, dũng cảm.

\*Phương Định.

-Vốn là một học sinh thành phố nhạy cảm, hồn nhiên, mơ mộng.

- Cô hay sống với những kỉ niệm tuổi thơ.

=>Khi cơn mưa đá ập đến, kỉ niệm trong cô chợt ùa về, từ căn nhà, góc phố, từ những ngôi sao lung linh trên quảng trường hay những quả bóng sút vô tội vạ của những đứa trẻ ở góc phố.

-Đặc biệt, cô thích mơ mộng, ngắm mình trong gương, tự cho mình là cô gái khá: “cái cổ như đài hoa loa kèn, cái mắt được khen là có cái nhìn xa xăm.”.

-Cô có cái vẻ mơ mộng, kiêu kì của một cô gái Hà Thành, trong khi các cô gái vồn vã với các anh pháo thủ và lái xe, cô lại khoanh tay nhìn đi nơi khác.

->Vẻ đẹp hồn nhiên, mơ mộng, pha chút kiêu kì.

\* Nho.

- Là một cô gái trẻ xinh xắn, có dáng bé nhỏ, nhẹ nhàng, mỗi lần trinh sát về lại đi tắm khiến Phương Định liên tưởng đến một que kem trắng mát mẻ.

-Tính nết cô lại trẻ con, hồn nhiên: “vừa đi tắm về, Nho ngồi đòi ăn kẹo”, khi bị thương nằm trong hang vẫn nhỏm dậy xòe tay xin mấy viên đá.

- Ngoài ra, cô cũng rất gan dạ.

=>Cả 3 cô gái đều có những nét đẹp đáng yêu. Họ là những con người từ đời thực bước vào tác phẩm 1 cách hồn nhiên. Ở họ có sự kết hợp giữa cái chung và cái riêng. Tác giả đã miêu tả những anh hùng phá bom nhưng họ là những cô gái bình dị, cá tính. Tổ quốc cần, họ sẵn sàng đón nhận nguy hiểm, cuộc sống ác nghiệt nơi chiến trường biến họ thành những anh hùng.

**PHẦN VĂN BẢN NHẬT DỤNG VÀ VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**Phần I: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**A. Văn bản nhật dụng**

**I. Phong cách Hồ Chí Minh - Lê Anh Trà**

**1. *Xuất xứ***

- Trích trong *Phong cách HCM cái vĩ đại gắn với cái giản dị* trong *HCM và văn hóa Việt Nam,*  Viện văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990.

***2. PTBĐ***: Nghị luận

***3. Nội dung, nghệ thuật***

*a.Nội dung:*

\* Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh: kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa vĩ đại và bình dị, giữa truyền thống và hiện đại.

\* Con đường hình thành phong cách HCM: Người hiểu biết sâu rộng về văn hóa thế giới.

- Nguyên nhân:

+ Đi nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa.

+ Nắm vững phương tiện giao tiếp.

+ Học qua lao động đến mức uyên thâm.

+ Tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loạikết hợp hài hòa với tinh hoa văn hóa dân tộc.

\* Vẻ đẹp trong phong cách HCM: lối sống giản dị, thanh cao

- Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ: nhà sàn vẻn vẹn vài phòng

- Trang phục giản dị: áo bà ba, trấn thủ; dép lốp

- Tư trang ít ỏi: vài bộ quần áo, vài vật kỉ niệm

- Ăn uống đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.

*b. Nghệ thuật:*

- Kết hợp kể và bình luận:

- Chọn lọc chi tiết tiêu biểu.

- Sử dụng nghệ thuật đối lập: vĩ nhân>< giản dị; am hiểu văn hóa nhân loại >< rất dân tộc

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm và sử dụng hiệu quả từ Hán việt.

**II**. **Đấu tranh cho một thế giới hòa bình –G. Gác-xi-a Mác-két**

***1. Tác giả -.***

- Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két (1928-2014), nhà văn Cô-lôm-bi-a.

- Viết tiểu thuyết với khuynh hướng hiện thực.

- Nhận giải Nôben văn học (1982).

***2. Tác phẩm***

*a. Xuất xứ:*

- Trích từ bản tham luận của tác giả tại Mê-hi-cô 8/1986 tại cuộc gặp gỡ của 6 nguyên thủ quốc gia kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, tiêu hủy vũ khí hạt nhân.

*b. PTBĐ*: Nghị luận

*c. Hệ thống luận điểm, luận cứ.*

\* Luận điểm: Chiến tranh hạt nhân là hiểm họa đe dọa loài người và cuộc sống trên Trái Đất nên nhiệm vụ cấp bách của nhân loại là đấu tranh loại bỏ nguy cơ ấy .

\*Luận cứ.

- Kho vũ khí hạt nhân đang tàng trữ, có khả năng hủy diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời:

+ Số đầu đạn hạt nhân khổng lồ: 50.000

+ Nếu nổ tung sẽ xóa 12 lần dấu vết của sự sống/ TĐ, tiêu diệt các hành tinh xoay quanh hệ MT+ 4 hành tinh khác.

- Cuộc chạy đua vũ trang làm mất đi khả năng cải thiện đời sống cho hàng tỷ người:

+ 10 tàu sân bay Ni-mit mang vũ khí hạt nhân Mĩ định SX từ 1986-2000 = Kinh phí của chương trình phòng bệnh 14 năm và phòng sốt rét cho 1 tỉ người, cứu 14tr trẻ em C . Phi

+ 27 tên lửa MX = Tiền nông cụ cho các nước nghèo 4 năm

+ Tiền đóng tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân = Xóa nạn mù chữ cho toàn TG

- Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại với lý trí của loài người mà còn đi ngược lại với lý trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hóa:

+ 380tr năm bướm bay

+180tr năm hoa nở

+ Hàng triệu triệu năm con người mới hình thành.

- Vì vậy tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

*c. Nghệ thuật*

- Hệ thống luận điểm, luận cứ ngắn gọn, rành mạch,

- Dẫn chứng xác thực, giàu sức thuyết phục, gây ấn tượng mạnh.

**III. Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.**

**1. *Xuất xứ***

- Trích “ Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em”, họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Ooc ngày 30-9-1990.

***2. PTBĐ*:** Nghị luận

***3. Nội dung***

*a. Thách thức:*

- Nạn nhân của chiến tranh, bạo lực...

- Chịu thảm hoạ đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, vô gia cư, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, mù chữ.

- Chết do suy dinh dưỡng, bệnh tật

*b. Cơ hội*

- Sự liên kết của các quốc gia

- Các quốc gia có ý thức về vấn đề này.

- Công ước về quyền trẻ em.

- Sự đoàn kết và hợp tác quốc tế có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực.

*c. Nhiệm vụ*

- Tăng cường sức khỏe dinh dưỡng cho trẻ em.

- Phát triển giáo dục cho trẻ em

- Xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ em.

- Quan tâm hàng đầu:

+ Trẻ em tàn tật, hoàn cảnh khó khăn.

+ Các bà mẹ.

**B. Văn bản nghị luận**

**IV. Bàn về đọc sách - Chu Quang Tiềm**

***1. Tác giả***

- Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mĩ học, lí luận học nổi tiếng của Trung Quốc.

***2. Tác phẩm***

*a. Xuất xứ*:

- Trích trong cuốn *Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách -* Bắc Kinh, 1995.

*b. Phương thức biểu đạt*: Nghị luận.

*c. Hệ thống luận điểm, luận cứ.*

\* Luận điểm*:* Ý nghĩa của việc đọc sách và cách chọn sách, phương pháp đọc sách hiệu quả.

\* Luận cứ:

- Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách.

+ Ý nghĩa của sách: lưu truyền tri thức, thành tựu loài người; kho tàng quý báu của di sản tinh thần của nhân loại...

+ Vai trò của việc đọc sách: con đường tích lũy, nâng cao vốn tri thức; chuẩn bị chinh phục con đường học vấn, phát hiện thế giới mới.

- Những khó khănthường gặp khi đọc sách: không chuyên sâu, khó lựa chọn

- Phương pháp đọc sách.

+ Cách chọn sách: Chọn cho tinh, chọn những cuốn thực sự có ích, chọn tài liệu cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên môn.

+ Cách đọc sách: Vừa đọc vừa suy ngẫm, đọc có kế hoạch

*d.Nghệ thuật*

+ Nội dung thấu tình đạt lý, ý kiến nhận xét xác đáng, có lý lẽ, cách trò chuyện thân tình.

+ Bố cục chặt chẽ, hợp lý, dẫn dắt vấn đề tự nhiên.

+ Cách viết giàu hình ảnh.

**V. Tiếng nói của văn nghệ - Nguyễn Đình Thi**

***1. Tác giả***

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003).

- Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch, soạn nhạc, viết lý luận văn học.

- Năm 1996, ông được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật

***2. Tác phẩm***

*a. Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:*

- Viết năm 1948 - Thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, in trong cuốn “Mấy vấn đề văn học”, xuất bản năm 1956.

*b. PTBĐ và* : Nghị luận

*c. Luận điểm:*

- Nội dung phản ánh của văn nghệ

+ Lấy chất liệu từ thực tại khách quan

+ Chứa đựng tình cảm của nghệ sĩ

+ Là sự rung động và nhận thức của từng người tiếp nhận

- Tiếng nói của văn nghệ cần thiết cho con người nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất.

+ Được sống đầy đủ, phong phú hơn

+ Là sợi dây buộc chặt con người với đời thường

+ Giúp con người vui, biết rung cảm và ước mơ.

- Con đường văn nghệ đến với người đọc và khả năng kì diệu của nó.

+ Bằng con đường tình cảm

+ Giúp mọi người tự nhận thức, tự xây dựng mình

*d. Nghệ thuật:*

- Bố cục chặt chẽ, hợp lý, dẫn dắt tự nhiên.

- Cách viết: giàu hình ảnh, nhiều dẫn chứng tiêu biểu, có sức thuyết phục.

- Luận điểm sắp xếp theo một hệ thống hợp lý.

- Lời văn chân thành.

**VI. Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới – Vũ Khoan**

**1*. Tác giả***

- Vũ Khoan: Nhà hoạt động chính trị, từng giữ chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ thương mại, Phó thủ tướng chính phủ.

***2. Tác phẩm***

*a. Xuất xứ*: Bài viết đăng trên tạp chí *Tia sáng* năm 2001, được in vào tập *Một góc nhìn của tri thức,* NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, vào thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới.

*b) Phương thức biểu đạt:* Nghị luận

c. *Luận điểm và luận cứ*

\* Luận điểm:Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của người Việt Nam để rèn thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

\* Luận cứ*:*

- Vai trò của con người trong việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

+ Là động lực phát triển của lịch sử

+ Trong nền KT tri thức con người có vai trò quan trọng

- Bối cảnh thế giới hiện nay và những nhiệm vụ của đất nước.

**+ Bối cảnh TG:** KHCN phát triển, các nước hội nhập sâu rộng

**+ Nhiệm vụ của đất nước:** Thoát tình trạng nghèo nàn, đẩy mạnh CNH – HĐH, tiếp cận nền kinh tế tri thức

- Những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam cần nhận thức rõ khi bước vào nền kinh tế mới.

+ Thông minh, nhạy bén với cái mới; nhưng, thiếu kiến thức cơ bản, thực hành kém.

+ Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen cường độ khẩn trương.

+ Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhất là trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm nhưng lại đố kị nhau trong làm ăn và cuộc sống hàng ngày.

+ Thích ứng nhanh, nhưng có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói khôn vặt, ít giữ chữ tín.

+ Không vặt, không giữ chữ tín

- Giới trẻ cần phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, rèn thói quen tốt.

**PHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**

A. **HỆ THỐNGPHẦN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI**:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tác phẩm**  **T¸c gi¶** | **Nước** | **Hoàn cảnh** | **Thể loại** | **Ngôi kể** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| 1 | .[Cố Hương](https://doctailieu.com/co-huong-c4690)  (Lỗ Tấn) | Trung Quốc | Thế kỉ XX | Truyện ngắn | Thứ nhất | Thông qua việc thuật lại 1 chuyến về quê, “Cố hương” thể hiện tiếng nói phê phán sâu sắc xã hội cũ và niềm tin vào một đất nước TQ đẹp đẽ trong tương lai. | - Ngôi kể thứ nhất: làm cho câu chuyện mang tính chân thực  - Truyện ngắn mang đạm t/c hồi kí  - Đối sánh: so sánh, đối chiếu  - Kết hợp nhiều phương thức biểu đạt  - Đối thoại, đọc thoại, độc thoại nội tâm- Kết cấu đầu cuối t/ứ . |
| 2 | [Những đứa trẻ](https://doctailieu.com/nhung-dua-tre-c4691)  (M. Go-rơ-ki | Trích -Tiểu thuyết | Thế kỉ XX | Thế kỉ XX | Thứ nhất | Ca ngợi tình bạn trong sáng, ngây thơ vượt qua rào cản xã hội của những đứa trẻ thiếu thốn tình thương | Lời kể giản dị nhưng giàu h/a, giàu cảm xúc |
| 3 | [Chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La-Phông- ten](https://doctailieu.com/soan-bai-cho-soi-va-cuu-trong-tho-ngu-ngon-cua-la-phong-ten) (H.Ten) | Pháp | 1853 | Nghị luận |  | NT văn chương là những sáng tạo luôn mang đậm dấu ấn cá nhân. | NT lập luận đối chiếu, so sánh |
| 4 | [Mây và sóng](https://doctailieu.com/soan-bai-may-va-song)  (R.Ta-go) | Ấn Độ | 1909 | Thơ |  | Bài thơ thể hiện t/yêu thiết tha, sâu nặng của đứa con với mẹ, ca ngợi tình mẫu | - Thơ văn xuôi, trong đó lời kể có xen đối thoại, dùng phép lặp lại, nhưng có sự biến hóa và phát triển.  - XD h/ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng. |
| 5 | [Rô-bin- xơn ngoài đảo hoang](https://doctailieu.com/cam-nhan-ve-bai-ro-bin-xon-ngoai-dao-hoang-cua-di-pho)  ( Đ.Đi-phô ) | Anh | 1719 | Trích -Tiểu thuyết | Thứ nhất  . | Văn bản ca ngợi sức mạnh, tinh thần lạc quan, ý chí của con người trong những hoàn cảnh đặc biệt | - Sáng tạo trong việc lựa chọn ngôi kể và nhân vật người kể chuyện  - Lựa chọn ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, hài hước. |
| 6 | [Bố của Xi mông](https://doctailieu.com/phan-tich-tac-pham-bo-cua-xi-mong) (Mô-pa-xăng) | Pháp | Thế kỉ XIX | Truyện ngắn | Thứ ba | Truyện ca ngợi tình yêu thương, lòng nhân hậu của con người | Tác giả đã thành công trong nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật thông qua ngôn ngữ, hành động...  -Tình tiết truyện bất ngờ, hợp lí. |
| 7 | [Con chó Bấc](https://doctailieu.com/con-cho-bac-c4711) (G.Lân -đơn) | Mĩ | 1903 | Trích- Tiểu thuyết | Thứ ba | VB ca ngợi lòng yêu thương và sự gắn bó cảm động giữa con người và loài vật. | - Trí tưởng tượng tuyệt vời, tài quan sát, nghệ thuật nhân hoá của nhà văn. |

**B. TÁC PHẨM CỤ THỂ**

**Văn bản 1: CỐ HƯƠNG**

Lỗ Tấn

**I. Kiến thức cơ bản:**

***1. T¸c gi¶***

– Lỗ Tấn: Lúc nhỏ tên là Chu Thụ Nhân (1881-1963).  
– Là chiến sĩ cộng sản kiên định, sớm có tư tưởng văn học tiến bộ.

***2. T¸c phÈm***

*\* Tãm t¾t cèt truyÖn*:“Tôi” trở về quê sau hơn 20 năm xa cách. Lúc này thời tiết đang độ giữa đông, trời âm u, gió lạnh lùa vào khoang thuyền, làng xóm giờ đây tiêu điều xơ xác. Hình ảnh làng quê cũ hiện lên trong ký ức làm lòng “tôi” thấy không vui. Về thăm làng chuyến này, “tôi” có ý định từ giã quê lần cuối và lo việc chuyển nhà đi nơi khác. “Tôi” nhớ đến người bạn cũ thủa nhỏ là Nhuận Thổ, 1 cậu bé nông dân khỏe mạnh, tháo vát, hiểu biết và hồn nhiên.Ngày ấy 2 đứa trẻ chơi thân với nhau. Sau 20 năm xa cách gặp lại, nhân vật tôi thấy Nhuận Thổ đã thay đổi nhiều: Anh trở thành 1 người nông dân nghèo khổ, đần độn, mụ mẫm đi. “Tôi” buồn bã rời quê với niềm băn khoăn không biết tương lai của cháu Hoàng và Thuỷ Sinh sau này sẽ ra sao, hình ảnh con đường ở cuối truyện nói lên lòng mong mỏi hy vọng 1 sự đổi thay tươi sáng hơn.

*\* ThÓ lo¹i:* Truyện ngắn, cã nhiÒu ®o¹n chøa yÕu tè håi ký.

*\* Ph­¬ng thøc biÓu ®¹t*.

- Chñ yÕu lµ phg thøc tù sù

- Ngoµi ra

+ Miªu t¶ ng­êi, thiªn nhiªn, néi t©m n/v.

+ BiÓu c¶m (quan träng)

+ LËp luËn

*\* Bè côc.*

- T«i trªn ®­êng vÒ quª → dù ®o¸n thùc tr¹ng cè h­¬ng.

- Nh÷ng ngµy ë quª → chøng kiÕn thùc tr¹ng.

- T«i trªn ®­êng xa quª → m¬ ­íc cè h­¬ng ®æi míi.

**II. Tìm hiểu ND văn bản:**Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi”.

***1. N/v t«i trªn ®­êng vÒ quª th­¬ng c¶m***

- NT ®èi chiÕu : c¶nh vËt hiÖn t¹i tiêu điều, xơ xác/ c¶nh vËt håi øc đẹp đẽ.

→ Buån, ng¹c nhiªn tr­íc c¶nh tiªu ®iÒu, x¬ x¸c.

***2. N/v t«i nh÷ng ngµy ë quª***

- Chøng kiÕn sù sa sót, tµn t¹ cña con ng­êi vµ c¶nh vËt cè h­¬ng

\*Cảnh:

– Trên mái ngói mấy cọng rơm khô phất phơ  
– Các gia đình đã dọn đi nhiều, càng hiu quạnh.  
->Hoang vắng, hiu quạnh gợi cảm giác buồn.  
\* Con người:

- Thím Hai Dương: Hình ảnh người đàn bà tiều tuỵ, xấu xí, tham lam… khác hẳn xưa, do dấu ấn của thời gian và vất vả của cuộc đời hằn sâu trên vóc dáng của con người đó. Tham   
- Nhuận Thổ: Sau 20 năm: thay đổi nhiều, là người nông dân già nua, nghèo khổ, đần độn, mụ mẫm, cam chịu số phận.

\* Nguyên nhân là do xã hội phong kiến: nghèo, mất mùa thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đày đoạ. Phản ánh hiện thực đầy đau khổ buồn tẻ của nông thôn Trung Quốc thời phong kiến.  
\* Tâm trạng: §au ®ín, chua xãt ®Õn bi ®¸t.

***3. N/v t«i trªn ®­êng rêi quª***

a) Suy nghÜ vÒ quª h­¬ng

- ThÓ hiÖn c¶m xóc t©m tr¹ng buån th­¬ng cña n/v t«i trªn ®­êng vÒ quª.

-¦íc mong thÕ hÖ trÎ cã mét cs míi

-H/¶nh quª h­¬ng trong t­¬ng lai.

→ Hy väng vµo sù ®æi míi

b) Suy nghÜ vÒ con ®­êng

- Con ®­êng khai s¸ng, con ®­êng gi¶i phãng.

**Văn bản 6 BỐ CỦA XI- MÔNG**

Guy-đơ Mô-pa-xăng

**I. Tìm hiểu chung**

***1. T¸c gi¶:*** M« - pa- x¨ng

- Nhµ v¨n hiÖn thùc xuÊt s¾c cña n­íc Ph¸p thÕ kû XIX

- Sè l­­îng t¸c phÈm lín: 300 truyÖn ng¾n, 6 tiÓu thuyÕt

***2. V¨n b¶n***

a. Xuất xứ: TrÝch trong truyÖn ng¾n “ Bè cña Xi m«ng”.

b. Thể loại: Truyện ngắn

c. Bố cục:

-T©m tr¹ng tuyÖt väng cña Xi m«ng

- GÆp Xi m«ng- Phi lip ®­ưa Xi m«ng vÒ nhµ vµ nhËn lµm bè em

-Ngµy h«m sau ë trư­êng.

**II. T×m hiÓu ND VB**

***1. NV Xi- m«ng***

*a, Khi ë bê s«ng*

- V« cïng ®au khæ tuþÖt väng v× bÞ xØ nhôc.

- §Þnh tù tö – quªn lu«n vì cảnh đẹp.

- Nhớ nhà, nghĩ đến mẹ, buồn, khóc

*b, Khi gÆp b¸c Phi- lÝp vµ ®­îc ®­­a vÒ nhµ.*

-Khóc vì không có bố→Tuyệt vọng vì không có bố.

- Gặp mẹ, em òa khóc→ Tủi cực vì không có bố.

- Mong muốn bác Phi líp làm bố.

- Vui mừng, hãnh diện vì được bác Phi líp nhận làm bố

→ Khao kh¸t m·nh liÖt cã mét ng­­êi bè.

***2. NV Bl¨ng-sèt***

- Nghiêm nghị đứng trước cửa nhà.

-Má đỏ bừng, tê tái, hôn con, nước mắt tuôn rơi.

- Ng­­îng ngïng, ®au khæ, qu»n qu¹i, hæ thÑn trước lời nói ngây thơ của đứa trẻ.

→ Ng­êi phô n÷ ®øc h¹nh ®· bÞ lÇm lì sèng ®øng ®¾n nghiªm tóc

***3. NV Phi - lÝp***

- Bác công nhân, cao lớn, râu tóc đen, quăn.→CN lao động yêu nghề, lương thiện.

- An ủi động viên Xi- mông, đưa em về nhà.

- Ấp úng rụt rè trước chị Blăng- sốt vì thấy chị đứng đắn, nghiêm túc.

-Nhận làm bố Xi- mông.

→ Ng­­êi nh©n hËu hµo hiÖp